

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, khi đời sống vật chất của con người ngày càng được nâng cao thì nhu cầu thoả mãn đời sống tinh thần của con người cũng trở nên quan trọng. Vì vậy, du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới và theo nhận định thì ngành du lịch hiện nay chỉ đứng sau ngành công nghiệp ô tô, công nghiệp dầu khí.

Những năm gần đây, hoạt động du lịch trên thế giới đang có sự thay đổi khi số lượng khách du lịch ngày càng quan tâm nhiều hơn tới các loại hình du lịch bền vững như: du lịch sinh thái, du lịch văn hoá... Trong đó du lịch văn hoá được quan tâm nhiều nhất. Du khách muốn khám phá, tìm hiểu những giá trị truyền thống của dân tộc mình cũng như của các dân tộc trên thế giới.

Việt Nam là một nước có ngành du lịch đang phát triển nhưng là nước có nguồn tài nguyên du lịch hết sức phong phú. Ngoài những thế mạnh về cảnh quan tự nhiên, những nét văn hoá truyền thống đặc sắc của dân tộc thì làng nghề truyền thống cũng là một trong những thế mạnh cho Việt Nam phát triển du lịch. Đến với làng nghề, du khách được chứng kiến tận mắt những công đoạn tạo ra một sản phẩm thủ công mỹ nghệ qua bàn tay khéo léo của người nghệ nhân dân gian để họ hiểu hơn về quá trình tạo ra sản phẩm, để được nghe kể về lịch sử làng nghề, để từ đó trân trọng hơn những giá trị truyền thống của dân tộc, góp phần trong việc giữ gìn và phát huy những giá trị đó.

Các làng nghề truyền thống với các sản phẩm độc đáo thiết thực luôn đem lại lợi ích kinh tế cho người lao động. Sản phẩm làng nghề không chỉ phục vụ đắc lực cho cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân mà giờ đây chúng đã trở thành những sản phẩm có giá trị xuất khẩu, mang lại thu nhập cao hơn cho người lao động, mang lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Hiện nay, công việc khôi phục và bảo vệ các làng nghề là rất quan trọng. Đó không phải là công việc riêng của từng cá nhân của từng làng nghề mà là công việc

chung của các cấp, các ngành có liên quan vì thực trạng làng nghề Việt Nam nói chung đang gặp nhiều khó khăn, cần có sự quan tâm giúp đỡ để giữ gìn, phát huy một nét đẹp văn hoá trong kho tàng văn hoá truyền thống của dân tộc.

Việt Nam có rất nhiều làng nghề truyền thống như: nghề làm tương bần ở Hưng Yên, gỗ mỹ nghệ ở Đồng Kỵ (Bắc Ninh), làng gốm Bát Tràng ở Hà Nội, làng lụa Vạn Phúc (Hà Tây cũ)...và ở Vĩnh Phúc cũng tập trung rất nhiều làng nghề truyền thống như: làng đá Hải Lựu, làng mây tre đan Triệu Đề, làng gốm Hương Canh, làng rắn Vĩnh Sơn... Ngoài những sản phẩm truyền thống, được sự hỗ trợ phát triển làng nghề của tỉnh, các làng nghề đã phát triển thêm một bước là sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ với trình độ kỹ thuật, mỹ thuật cao hơn, có giá trị xuất khẩu lớn.

Tuy có lịch sử phát triển lâu đời cùng với lợi ích mà nghề sẽ đem lại kinh tế cho cá nhân, cho địa phương và cho đất nước nhưng các làng nghề vẫn chưa được quan tâm đúng mức để phát triển và phục vụ cho hoạt động du lịch của tỉnh.

Việc khôi phục và phát triển các làng nghề sẽ tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, giải quyết khó khăn cho địa phương trong việc giảm thiểu thất nghiệp, giảm thiểu tệ nạn xã hội. Phát triển du lịch làng nghề là một loại hình du lịch phát triển bền vững thúc đẩy làng nghề phát triển, góp phần bảo lưu những giá trị văn hoá vốn có của làng nghề truyền thống. Trong những năm gần đây, sở Thương mại và Du lịch Vĩnh Phúc (nay là sở Văn Hoá - Thể Thao - Du Lịch Vĩnh Phúc) đã quan tâm tới sự phát triển của các làng nghề, phục vụ cho hoạt động du lịch của tỉnh: nghiên cứu, xây dựng các tour, các tuyến du lịch đưa du khách về với làng nghề. Đây là bước mở đầu có ý nghĩa đối với hơn 100 làng nghề ở Vĩnh Phúc.

Với hy vọng các làng nghề truyền thống không bị mai một và phát triển, vừa là ngành kinh tế quan trọng của dân địa phương, vừa là sản phẩm du lịch độc đáo của ngành du lịch Vĩnh Phúc em đã chọn đề tài khoá luận tốt

nghiệp của mình là “xây dựng sản phẩm du lịch làng nghề phục vụ hoạt động du lịch Vĩnh Phúc”. Việc chọn đề tài này xuất phát từ chính bản thân em sinh ra trên mảnh đất Vĩnh Phúc, tại làng quê có nhiều làng nghề truyền thống và sau khi chọn ngành văn hoá du lịch em muốn mình làm một điều gì đó vừa có ích cho quê hương mình, vừa có ích cho ngành du lịch nói riêng, đất nước ta nói chung. Với đề tài này em hy vọng các làng nghề truyền thống ở Vĩnh Phúc sẽ được mọi người sẽ biết đến nhiều hơn nữa, các cấp chính quyền có sự quan tâm hơn nữa để các làng nghề cùng với sự phát triển kinh tế nhanh chóng của Vĩnh Phúc sẽ đưa Vĩnh Phúc trở thành một trong những tỉnh giàu nhất cả nước, như lời Hồ Chí Minh đã nói để góp phần xây dựng đất nước ta to đẹp hơn, phồn vinh hơn.

2. Mục đích chọn đề tài

Với đề tài “xây dựng sản phẩm du lịch làng nghề phục vụ hoạt động du lịch Vĩnh Phúc” em nhằm mục đích sau:

Tìm hiểu giá trị của làng nghề truyền thống góp phần cho sự phát triển của du lịch của Vĩnh Phúc bằng cách tạo ra sản phẩm du lịch mới cho du lịch Vĩnh Phúc, đó là sản phẩm du lịch làng nghề.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của khoá luận là các làng nghề truyền thống, ngoài ra còn có hệ thống các di tích lịch sử, các cơ sở phục vụ, các dịch vụ bổ sung cho hoạt động du lịch làng nghề quanh khu vực làng nghề.

Phạm vi nghiên cứu là các địa phương có làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình làm khoá luận, các phương pháp nghiên cứu đã được sử dụng:

Phương pháp khảo sát thực địa và thu thập tài liệu.

Phương pháp thống kê, phân tích.

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp.

5. Bộ cục khoá luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, bài khoá luận được chia thành 3 chương :

Chương I. Du lịch làng nghề.

Chương II. Thực trạng làng nghề truyền thống Vĩnh Phúc.

Chương III. Những giải pháp, kiến nghị làm tăng sức hấp dẫn cho du lịch làng nghề ở Vĩnh Phúc.

Chương 1. DU LỊCH LÀNG NGHỀ

1.1 Làng nghề và làng nghề truyền thống

1.1.1 Làng nghề

Theo tiến sĩ Phạm Côn Sơn trong cuốn: “Làng nghề truyền thống Việt Nam” làng nghề được định nghĩa như sau: “làng là một đơn vị hành chính cổ xưa mà cũng có nghĩa là nơi quần cư đông người sinh hoạt, có tổ chức, có kỷ cương, tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là một làng sống chuyên nghề mà cũng hàm ý là những người cùng nghề sống hợp quần để phát triển cùng ăn, làm việc. Cơ sở vững chắc của các làng nghề là sự vừa làm ăn tập thể vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và cá biệt của địa phương”. {2,9}.

Xem xét định nghĩa làng nghề ở góc độ kinh tế, theo Dương Bá Phương trong cuốn “Bảo tồn và phát triển làng nghề trong quá trình công nghiệp hoá-hiện đại hoá” thì “làng nghề là làng ở nông thôn có một hoặc một số nghề thủ công tách hẳn ra khỏi thủ công nghiệp và kinh doanh độc lập, thu nhập từ các nghề đó chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá trị của toàn làng”. {1,13}.

Làng nghề theo cách phân loại về thời gian gồm có: làng nghề truyền thống và làng nghề mới. Khoá luận đi vào tìm hiểu các làng nghề truyền thống nhằm chỉ ra những nét độc đáo trong cách thức tạo ra sản phẩm của làng nghề truyền thống so với làng nghề mới, tạo điểm nhấn cho sản phẩm du lịch phục vụ cho hoạt động du lịch.

1.1.2 Làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống là làng cổ truyền làm nghề thủ công truyền thống, ở đây không nhất thiết dân làng đều sản xuất thủ công. Người thợ thủ công nhiều trường hợp cũng đồng thời là người nông dân, nhưng do yêu cầu chuyên môn hoá cao đã tạo ra những người thợ chuyên sản xuất hàng truyền thống ngay tại quê của mình.

Khi nói tới một làng nghề thủ công truyền thống thì không chỉ chú ý tới

từng mặt đơn lẻ mà phải chú trọng tới nhiều mặt trong cả không gian, thời gian nghĩa là quan tâm tới tính hệ thống, toàn diện của làng nghề, trong đó yếu tố quyết định là nghệ nhân, sản phẩm, phương pháp, mỹ thuật và kỹ thuật.

Làng nghề thủ công truyền thống là trung tâm sản xuất hàng thủ công, nơi quy tụ các nghệ nhân và nhiều hộ gia đình chuyên làm nghề mang tính lâu đời, có sự liên kết hỗ trợ trong sản xuất, bán sản phẩm theo kiểu phường hội hoặc là kiểu hệ thống doanh nghiệp vừa và nhỏ, có cùng tổ nghề và các thành viên luôn ý thức tuân thủ những hương ước, chế độ gia tộc cùng phường nghề trong quá trình lịch sử phát triển đã hình thành nghề ngay trên đơn vị cư trú làng xóm của họ.

Làng nghề thủ công truyền thống thường có tuyệt đại bộ phận dân số làm nghề cổ truyền, hoặc một vài dòng họ chuyên làm nghề lâu đời kiểu cha truyền con nối. Sản phẩm của họ chẳng những thiết dụng mà hơn nữa còn là hàng cao cấp, tinh xảo, độc đáo, nổi tiếng và dường như không đâu sánh bằng.

Do tính chất của nền kinh tế hàng hoá thị trường của quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, làng nghề thực sự là đơn vị kinh tế tiểu thủ công nghiệp. Vai trò, tác dụng của làng nghề đối với đời sống kinh tế, xã hội là rất lớn và tích cực.

1.2 Du lịch làng nghề truyền thống

1.2.1 Khái niệm du lịch văn hoá

Khái niệm du lịch làng nghề truyền thống còn khá mới mẻ ở nước ta. Du lịch làng nghề truyền thống thuộc loại hình du lịch văn hoá. Do vậy khi xem xét khái niệm du lịch làng nghề truyền thống, trước tiên phải đi từ khái niệm du lịch văn hoá.

Du lịch văn hoá là loại hình du lịch đưa du khách tới tham quan và thẩm nhận các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể ở các địa phương trên các miền đất nước.

Còn trong luật du lịch Việt Nam, định nghĩa về du lịch văn hoá như sau: “ Du lịch văn hoá là loại hình du lịch dựa vào bản sắc văn hoá dân tộc với sự tham gia của cộng đồng, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống” {4,11 }.

Các loại hình du lịch văn hoá gồm:

Du lịch tham quan, nghiên cứu.

Du lịch lễ hội.

Du lịch làng nghề.

Du lịch làng bản.

Du lịch tôn giáo, tín ngưỡng.

Du lịch phong tục, tập quán.

1.2.2 Du lịch làng nghề truyền thống

Đối với làng nghề truyền thống thì đó là nơi chứa đựng những kho tàng kinh nghiệm, kỹ thuật, bí quyết nghề nghiệp từ việc sử dụng nguyên liệu, kỹ thuật chế tác đến chủ đề sáng tạo trong việc tạo ra một sản phẩm thủ công truyền thống. Đó chính là phần văn hoá phi vật thể. Ngoài ra, làng nghề truyền thống còn có các giá trị văn hoá vật thể như: đình, chùa, các di tích liên quan trực tiếp tới các làng nghề, các sản phẩm thủ công truyền thống. Khách du lịch đến đây để tìm hiểu các giá trị văn hoá truyền thống đó cho nên du lịch làng nghề truyền thống được xếp vào loại hình du lịch văn hoá. Từ đó, có thể hiểu du lịch làng nghề truyền thống là:

Du lịch làng nghề truyền thống là loại hình du lịch văn hoá mà qua đó khách du lịch được thẩm nhận các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể có liên quan mật thiết đến một làng nghề cổ truyền của một dân tộc nào đó.

1.3 Tác động tương hỗ giữa du lịch và làng nghề truyền thống

1.3.1 Vai trò của du lịch trong phát triển làng nghề truyền thống

Du lịch có vai trò quan trọng trong việc phát triển các làng nghề truyền thống. Cụ thể như sau:

Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, tăng thu nhập và cải thiện đời sống của nhân dân.

Tăng doanh thu và doanh số bán sản phẩm thủ công truyền thống trong các làng nghề.

Du lịch phát triển tạo ra các cơ hội đầu tư cho các làng nghề truyền thống.

Tạo cơ hội xuất khẩu tại chỗ các sản phẩm thủ công truyền thống tại các làng nghề qua việc mua sản phẩm của khách du lịch quốc tế khi đến thăm làng nghề truyền thống.

Tạo cơ hội giao lưu văn hoá bản địa và văn hoá của khách du lịch nước ngoài.

1.3.2 Vai trò của làng nghề truyền thống trong phát triển du lịch

Giữa làng nghề truyền thống và du lịch có mối quan hệ hữu cơ tác động qua lại lẫn nhau. Phát triển du lịch tại làng nghề truyền thống là một giải pháp hữu hiệu để phát triển kinh tế, xã hội làng nghề truyền thống nói chung theo xu hướng tích cực và bền vững. Ngược lại, làng nghề truyền thống cũng là những trung tâm thu hút khách và có những tác động mạnh mẽ trở lại đối với du lịch trong một mục tiêu chung cụ thể.

Làng nghề truyền thống là cả một môi trường kinh tế - văn hoá - xã hội và công nghệ truyền thống lâu đời. Nó bảo tồn và lưu giữ những tinh hoa nghệ thuật, những kỹ thuật truyền từ đời này sang đời khác đúc kết ở những thế hệ nghệ nhân tài hoa. Môi trường văn hoá làng nghề với cây đa, bến nước, sân đình, các hoạt động lễ hội và phường hội, phong tục tập quán, nếp sống đậm nét dân gian.

Phong cảnh làng nghề cùng với những giá trị chứa đựng bên trong, làng nghề truyền thống sẽ là điểm du lịch lý tưởng cho khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế đến tham quan, tìm hiểu và mua sắm tại làng nghề.

Làng nghề truyền thống là nơi sản xuất ra những sản phẩm thủ công mỹ nghệ có giá trị nghệ thuật cao, tiêu biểu độc đáo cho cả địa phương nói riêng,

dân tộc nói chung. Vì vậy, khách du lịch đến với các điểm du lịch làng nghề truyền thống còn mong muốn được chiêm ngưỡng, mua sắm các sản phẩm thủ công làm vật kỉ niệm trong chuyến du lịch. Thực tế nhu cầu mua sắm của du khách là rất lớn, làng nghề truyền thống sẽ đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu tinh tế và đa dạng của khách du lịch.

Trên đất nước ta có 2017 làng nghề truyền thống thuộc các nhóm ngành chính như: mây tre đan, sơn mài, gốm sứ, thêu ren, đục đá, đúc đồng. Với sự phong phú của làng nghề đã tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo, đó là du lịch làng nghề. Đây là tiềm năng to lớn của du lịch Việt Nam trong tương lai.

(theo nguồn <http://langngheviet.vn/>)

1.4 Đặc điểm của loại hình du lịch làng nghề truyền thống

Du lịch làng nghề truyền thống là loại hình du lịch văn hoá giúp cho du khách thâm nhận các giá trị của bản sắc văn hoá dân tộc ở tại các địa phương.

Thông qua loại hình du lịch này, các sản phẩm thủ công sản xuất tại làng nghề sẽ được xuất khẩu tại chỗ, góp phần phát triển kinh tế địa phương và nâng cao mức sống của cư dân địa phương.

Du lịch làng nghề truyền thống chủ yếu là tham quan, mua sắm (shopping tour), tìm hiểu, giao lưu, ký kết các hợp đồng kinh tế mà ít có các loại hình lưu trú và nghỉ dưỡng khác.

***Tiểu kết chương 1**

Chương 1 trình bày những lý thuyết chung về làng nghề và du lịch làng nghề truyền thống, giúp chúng ta hiểu rõ hơn về làng nghề truyền thống, mối liên hệ giữa làng nghề truyền thống với phát triển du lịch và tầm quan trọng của việc khôi phục, giữ gìn, phát triển làng nghề đối với phát triển du lịch Vĩnh Phúc nói riêng và cả nước nói chung. Qua đó thấy được vai trò và tầm quan trọng của du lịch làng nghề truyền thống với việc khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống.

Chương 2. THỰC TRẠNG LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VĨNH PHÚC

2.1 Khái quát về tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên - xã hội

* *Vị trí địa lý*: Tỉnh Vĩnh Phúc tính đến năm 2006 có tổng diện tích tự nhiên là 1.372,23 km², dân số 1.169.067 người, gồm 9 đơn vị hành chính là: thành phố Vĩnh Yên (tỉnh lỵ), thị xã Phúc Yên và các huyện: Lập Thạch, Tam Dương, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Tam Đảo, Bình Xuyên, Mê Linh. Toàn tỉnh có 152 xã, phường, thị trấn.

Phía Bắc tỉnh Vĩnh Phúc tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên; phía Nam giáp với tỉnh Hà Tây (cũ); phía Nam và Đông giáp thủ đô Hà Nội; phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ.

* *Điều kiện tự nhiên*: Vĩnh Phúc là tỉnh đồng bằng, là miền chuyển tiếp, cầu nối giữa các tỉnh miền núi Việt Bắc với thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Với vị trí như vậy, Vĩnh Phúc có 3 loại địa hình chính: địa hình miền núi, địa hình vùng đồi và địa hình vùng đồng bằng:

Địa hình miền núi Vĩnh Phúc được chia thành 3 loại:

Địa hình núi lửa chủ yếu thuộc dãy Tam Đảo. Trong đó địa phận của Vĩnh Phúc được bắt đầu từ xã Đạo Trù (Lập Thạch) đến xã Ngọc Thanh (Phúc Yên) có chiều dài 30 km theo hướng Đông Nam, có nhiều đỉnh cao trên 1000 m. Cao nhất là núi giữa (1.542m), đỉnh Phù Nghĩa, Thạch Bàn, Thiên Thị cao trên dưới 1.400m, nổi lên như 3 hòn đảo được gọi là Tam Đảo.

Địa hình núi thấp đại diện là núi Sáng thuộc địa phận xã Đồng Quế và Lãng Công (Lập Thạch) cao 633m, đây là một dạng địa hình xâm thực, bóc mòn. Địa hình núi thấp ở Vĩnh Phúc rộng hàng chục km².

Địa hình núi sót gồm núi Đỉnh, núi Trống (Vĩnh Yên), núi Thanh Tước (Mê Linh). Địa hình núi sót chạy dọc theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, có chiều dài vài km, rộng vài trăm mét, với độ cao từ 50 - 70m.

Địa hình vùng đồi: phổ biến ở các huyện trong tỉnh với mức độ khác nhau. Nhiều nhất là các huyện Lập Thạch, Tam Dương có độ cao từ 50 - 200m. Đồi ở các huyện đồng bằng thừa thớt có độ cao từ 20 - 50m.

Địa hình đồng bằng: chiếm 40% diện tích toàn tỉnh được chia thành 3 loại:

Đồng bằng châu thổ được hình thành do quá trình lắng đọng trầm tích tại các cửa sông lớn như sông Hồng, sông Lô, sông Phó Đáy và hệ thống sông suối từ dãy núi Tam Đảo chảy ra.

Diện tích đồng bằng được phân bố trên toàn huyện Yên Lạc, hầu hết huyện Vĩnh Tường, chiếm diện tích lớn ở Tam Dương, Bình Xuyên, Mê Linh. Đồng bằng châu thổ phì nhiêu đã thu hút con người đến sinh cư lạc nghiệp từ rất sớm.

Đồng bằng trước núi (đồng bằng giới hạn) được hình thành do sức bóc mòn, xâm thực của nước mặt bồi lắng tạo thành, được bao quanh là đồi núi. So với đồng bằng châu thổ, đồng bằng trước núi kém màu mỡ hơn.

Địa hình thung lũng, bãi bồi sông được hình thành chủ yếu do tác động xâm thực của dòng chảy, là nguồn phù sa màu mỡ tạo thuận lợi cho canh tác nông nghiệp; đồng thời cung cấp cát, sỏi, thạch anh và silic cho ngành xây dựng.

Sông ngòi và đầm hồ: Vĩnh Phúc có hệ thống sông ngòi, đầm hồ dày đặc, ngoài giá trị về kinh tế còn tạo ra môi trường cảnh quan, tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển trong tương lai.

Hệ thống sông gồm sông Hồng, sông Lô và sông Phó Đáy. Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc chảy qua Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, chảy vào Vĩnh Phúc từ ngã ba Hạc đến xã Tráng Việt (Mê Linh) dài 41km. Sông Lô chảy vào Vĩnh Phúc qua Lập Thạch đến ngã ba Hạc dài 43km. Sông Phó Đáy chảy vào địa phận Vĩnh Phúc từ xã Quang Sơn (Lập Thạch) đến xã Sơn Đông (Lập Thạch) rồi đổ vào sông Lô dài 55km. Ngoài ra còn có sông Phan, sông Cầu Bòn, sông Bá Hạ, sông Cà Lò đều được bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo

và chảy về phía Nam của tỉnh.

Ngoài hệ thống sông ngòi, Vĩnh Phúc còn có hệ thống đầm, phân bố rải rác khắp trên địa bàn tỉnh như đầm Vạc (Vĩnh Yên), đầm Dung, vực Xanh, vực Quảng Cư, đầm Ngũ Kiên (Vĩnh Tường), đầm Tam Hồng, Cốc Lâm (Yên Lạc), hồ Đá Ngang, hồ Khuân, hồ Bò Lạc, Vân Trục, suối Sỏi (Lập Thạch), hồ Đại Lải (Phúc Yên), hồ Xạ Hương (Bình Xuyên), hồ làng Hà (Tam Dương).

Khí hậu: Nhiệt độ trung bình hàng năm là 24⁰C, riêng Tam Đảo là 18⁰C. Tam Đảo có nhiệt độ trung bình hàng năm thấp hơn vùng Đồng bằng Bắc Bộ là 6⁰C, nhiệt độ cao nhất vào mùa hè không quá 24⁰C, giờ nắng trung bình hàng năm là 1300 giờ, lượng mưa trung bình hàng năm là 1400mm, độ ẩm trung bình là 83%.

**Điều kiện kinh tế - xã hội:*

Vĩnh Phúc vốn là một tỉnh thuần nông đang chuyển đổi cơ cấu. Năm 1997 cơ cấu kinh tế là: Nông nghiệp 52%, dịch vụ 36%, công nghiệp 12%, thu ngân sách đạt gần 100 tỷ đồng. Năm 2004 có cơ cấu kinh tế là công nghiệp 49,7%, dịch vụ 26,2%, nông nghiệp 24,1%.

Tốc độ tăng trưởng bình quân 8 năm (1997- 2004) là 16,6%.

Năm 2006, Vĩnh Phúc đã vươn lên đứng thứ 9 trong các tỉnh thành trên cả nước về thu ngân sách với 4.027 tỷ đồng. Với hàng trăm doanh nghiệp trong nước và nước ngoài với tổng mức vốn đầu tư khoảng gần 600 triệu USD và 15.600 tỷ đồng, được đầu tư ở 14 cụm, khu công nghiệp, khu vui chơi, giải trí, du lịch trên khắp địa bàn.

Kinh tế tăng trưởng cao, đời sống nhân dân ổn định và không ngừng được cải thiện, bộ mặt tỉnh Vĩnh Phúc cả nông thôn và thành thị, đồng bằng và miền núi tiếp tục có nhiều khởi sắc. Các lĩnh vực văn hoá - xã hội phát triển đồng bộ, nhất là sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí có bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng và cơ sở vật chất. Hiện nay các cấp học trong hệ thống giáo dục - đào tạo Vĩnh Phúc phát triển với nhiều loại hình

trường lớp như : công lập, bán công, trường chuyên, giáo dục thường xuyên, bổ túc; các trung tâm đào tạo nghề ngày càng được mở rộng, với nhiều ngành nghề đào tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; học sinh nhiều trường được trang bị thêm kiến thức về tin học và ngoại ngữ. Tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp phổ thông luôn đạt mức 95% đến 99%, học sinh đỗ vào các trường cao đẳng và đại học và học sinh giỏi cấp quốc gia ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, luôn duy trì được vị trí là một trong những tỉnh dẫn đầu cả nước, đặc biệt 7 năm liên tục có học sinh đạt giải quốc tế; số trường đạt tiêu chuẩn quốc gia ngày càng tăng ở các cấp học; đội ngũ giáo viên ngày càng được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học ngày càng được đầu tư, tỉnh đã kiên cố hoá được trên 70% số phòng học phổ thông. Công tác xã hội hoá giáo dục ngày càng phát triển mạnh, không những đội ngũ nhà giáo quan tâm mà toàn xã hội, các cấp, các ngành quan tâm. Năm 2002, Vĩnh Phúc chính thức được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Với những kết quả đạt được trong những năm tái lập tỉnh, giáo dục và đào tạo Vĩnh Phúc luôn trở thành một điểm sáng được cả nước biết đến. Thành tích đó đã góp phần to lớn vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đó là yếu tố quan trọng để Vĩnh Phúc thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua và những năm tiếp theo.

Sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân được chú ý quan tâm và có nhiều tiến bộ. Hệ thống y tế từ tỉnh đến cơ sở ngày càng được tăng cường trang thiết bị hiện đại phục vụ khám chữa bệnh; đội ngũ y, bác sỹ thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tỉnh đã đầu tư xây dựng cơ bản xong tuyến bệnh viện đa khoa tỉnh và bệnh viện đa khoa các huyện, thành thị, đáp ứng kịp thời nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Hệ thống y tế được mở rộng, các phòng khám, chữa bệnh tư nhân ngày càng được thành lập ở nhiều nơi trên địa bàn tỉnh. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên rõ rệt. Cho đến nay công tác y tế đã và đang

tích cực hướng về cơ sở, đến năm 2005 toàn tỉnh có 98,7% số xã có trạm y tế, 21,7% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, 88,8% trạm y tế có bác sỹ. Các chương trình y tế quốc gia, vệ sinh phòng dịch được triển khai thực hiện tốt trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ trẻ em được tiêm đủ 6 loại vacxin đạt 99%. Kết quả công tác y tế đã góp phần quan trọng, tích cực nâng cao sức khỏe nhân dân, ngày càng tạo ra nguồn nhân lực có sức khỏe tốt phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh cũng có bước phát triển mạnh. Hàng năm, nhiều đề tài khoa học đã được triển khai nghiên cứu và được ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, đời sống. Công nghệ thông tin ngày càng được ứng dụng nhiều và phát triển mạnh trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao tiếp tục được duy trì và phát triển. Trong đó, nhiều hoạt động văn hoá cổ truyền bước đầu được khôi phục trở lại. Hoạt động văn nghệ ngày càng diễn ra sôi nổi; phong trào xây dựng gia đình văn hoá, làng xã văn hoá, đơn vị và cơ quan văn hoá đạt kết quả cao. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển ngày càng mạnh mẽ và rộng khắp ở các địa phương, trong các cơ quan, đơn vị. Đồng thời tỉnh đã bước đầu chú ý quan tâm đầu tư, phát triển các môn thể thao thành tích cao. Cùng với cả nước, tỉnh đã đăng cai tổ chức thành công môn thi đá cầu Seagames 22 tại Nhà thi đấu văn hóa thể thao tỉnh. Các hoạt động văn hoá, xã hội phát triển làm cho đời sống tinh thần nhân dân ngày càng được nâng cao, giá trị văn hoá truyền thống được giữ gìn và ngày càng phát triển song hành cùng với phát triển kinh tế.

**Du lịch:* Du lịch Vĩnh Phúc có nhiều tiềm năng và thế mạnh. Tỉnh coi đây là ngành mũi nhọn để ưu tiên đầu tư phát triển, được chính phủ xác định là trọng điểm phát triển du lịch.

Trong những năm qua, hoạt động du lịch cũng đã đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay hàng loạt dự án về dịch vụ và du lịch được triển khai trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng, nâng

cấp các khu du lịch, khu vui chơi giải trí trọng điểm như: khu du lịch nghỉ mát Tam Đảo, xây dựng Thiên Viện Trúc Lâm Tây Thiên, sân golf Tam Đảo, sân golf và khu du lịch Đại Lải

(Phúc Yên) và triển khai xây dựng khu du lịch sinh thái Đầm Vạc (Vĩnh Yên)... Hàng loạt dịch vụ, nhà hàng, khách sạn sang trọng, hiện đại đã và đang được triển khai đầu tư xây dựng ...đã chuẩn bị cho một diện mạo mới về phát triển du lịch của Vĩnh Phúc trong thế kỷ XXI. Đến Vĩnh Phúc có những danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có nhiều điểm du lịch văn hoá tâm linh và du lịch sinh thái tự nhiên nổi tiếng.

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 1371,41km², dân số 1.154.792 người, gồm 9 đơn vị hành chính là: thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các huyện: Lập Thạch, Tam Dương, Bình Xuyên, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Mê Linh, Tam Đảo. Toàn tỉnh có 152 xã, phường, thị trấn.

Thời Hùng Vương với tên nước Văn Lang, Vĩnh Phúc nằm trong địa phận bộ Văn Lang, trên hợp lưu của ba con sông: sông Thao, sông Đà, sông Lô.

Năm 257 - 110, địa bàn Vĩnh Phúc nằm trong nước Âu Lạc của Thục An Dương Vương. Tên gọi vùng đất này theo thổ âm có thể là “M’rinh hay M’Linh, sau này được phiên âm thành Mê Linh hay Mi Linh”.

Từ năm 111 TCN, nhà Hán xâm chiếm nước ta, chia làm 3 quận: Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Khi đó dưới quận là huyện, và Vĩnh Phúc bấy giờ (cho tới năm 243 SCN) nằm trong huyện Mê Linh.

Đến thế kỷ III, Vĩnh Phúc bị xé lẻ và nằm trong hai huyện Gia Ninh và Mê Linh (thuộc quận Tân Xương). Tới thế kỷ V(thời nhà Tùy), Vĩnh Phúc nằm trong 2 địa phận huyện Gia Ninh và Tân Xương....

Từ đó đến thế kỷ XIII, Vĩnh Phúc trải qua nhiều biến động. Từ thế kỷ XIII - XIV, nhà Trần vẫn chia nước thành các lộ; đến nhà Hồ lại đổi lộ thành trấn. Dưới lộ (hay trấn) là các phủ, dưới châu là huyện, dưới huyện là các xã. Lúc này, các huyện thuộc tỉnh Vĩnh Phúc (thời Trần Mạt), nằm trong 3 trấn và

lộ sau:

Lộ Đông Đô: Châu Tam Đới (Vĩnh Tường) có huyện Yên Lạc, huyện Yên Lãng và Lập Thạch.

Lộ Bắc Giang: Châu Bắc Giang có huyện Tân Phúc, châu Vũ Ninh có huyện Đông Ngàn (gồm huyện Đông Anh và Từ Sơn).

Trần Tuyên Quang có huyện Dương. Cho tới cuối đời thời Hậu Lê đầu nhà Nguyễn (đầu thế kỷ XIX) vùng đất Vĩnh Phúc lại nằm trong các trấn sau:

Trấn Kinh Bắc: phủ Từ Sơn có huyện Đông Ngàn, phủ Bắc Hà có huyện Tân Phúc, huyện Kim Hoa.

Trấn Sơn Tây: phủ Tam Đới gồm các huyện Bạch Hạc, Lập Thạch, Yên Lạc, Yên Lãng; phủ Đoan Hùng có huyện Dương.

Trấn Thái Nguyên: Phủ Phú bình có huyện Bình Xuyên. Dưới triều Nguyễn (thế kỷ XIX), vua Minh Mệnh đổi trấn thành tỉnh, phạm vi Vĩnh Phúc lại nằm trong 3 tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên.

Đến cuối thế kỷ XIX, nhằm thực hiện chính sách chia để trị, thực dân Pháp tiếp tục chia cắt và xáo trộn các huyện, các xã ở Bắc Kỳ để thành lập các trung tâm cai trị mới. Theo đó, các tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Thái Nguyên bị cắt xén bớt đi, các tỉnh Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc lần lượt ra đời:

Tỉnh Vĩnh Yên được thành lập ngày 29/12/1890. Nhưng do hoàn cảnh lịch sử có những biến động nên mãi tới năm 1899, toàn quyền Pháp ở Đông Dương mới ban hành quyết định chính thức thành lập tỉnh Vĩnh Yên. Tuy vậy, qua nhiều lần xáo trộn, cuối cùng ngày 06/10/1901, tỉnh Vĩnh Yên mới ổn định với một phủ là Vĩnh Tường và 4 huyện: Yên Lạc, Lập Thạch, Tam Dương, Bình Xuyên.

Ngày 06/10/1901, Pháp thành lập tỉnh Phù Lỗ gồm phủ Đa Phúc, huyện Kim Anh và một phần huyện Đông Khê (cắt từ tỉnh Bắc Ninh ra), hợp với huyện Yên Lãng (tách từ tỉnh Vĩnh Yên ra), tỉnh lỵ đặt ở làng Phù Lỗ huyện Kim Anh.

Ngày 10/12/1903, tỉnh Phù Lỗ đổi tên thành tỉnh Phúc Yên.

Ngày 07/03/1913, tỉnh Phúc Yên đổi làm đại lý Phúc Yên, lệ thuộc tỉnh Vĩnh Yên.

Ngày 31/03/1923, thống sứ Bắc Kỳ lại ra nghị định lập lại tỉnh Phúc Yên, gồm 2 phủ (Đa Phúc, Yên Lãng) và hai huyện Kim Anh và Đông Anh - Đây là tỉnh nhỏ nhất xứ Bắc Kỳ lúc bấy giờ.

* Tỉnh Vĩnh Phúc được thành lập ngày 12/02/1950, trên cơ sở hợp nhất 2 tỉnh Vĩnh Yên và tỉnh Phúc Yên. Lúc này Vĩnh Phúc có diện tích là 1.715km² và dân số là 47 vạn người.

(theo nguồn <http://vinhphuc.gov.vn/>)

2.1.3 Dân cư và cơ cấu tổ chức hành chính

*** Dân cư.**

Năm 1997, khi tái lập tỉnh Vĩnh Phúc toàn tỉnh có 1.103.810 người, trong đó người Kinh chiếm đa số, dân tộc thiểu số chỉ chiếm 2,7% được phân bố:

Thị xã Vĩnh Yên: 35.529 người.

Lập Thạch: 227.960 người.

Tam Dương + Bình Xuyên: 254.570 người.

Vĩnh Tường: 190.459 người.

Yên Lạc: 146.645 người. Mê Linh: 248.584 người.

Năm 2005, toàn tỉnh Vĩnh Phúc có 1.169.067 người được phân bố:

Vĩnh Yên: 81.537 người.

Phúc Yên: 86.650 người.

Lập Thạch: 211.776 người.

Tam Dương: 94.305 người.

Tam Đảo: 67.591 người.

Bình Xuyên: 105.755 người.

Mê Linh: 182.036 người.

Yên Lạc: 145.890 người .

Vĩnh Tường: 193.257 người.

** Tổ chức hành chính:*

Tính đến tháng 12/2006 sau nhiều lần thay đổi địa giới hành chính, tỉnh Vĩnh Phúc có 9 đơn vị hành chính trong đó có thành phố Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và 7 huyện là: Lập Thạch, Tam Dương, Vĩnh Tường, Yên Lạc, Bình Xuyên, Tam Đảo và Mê Linh.

2.2 Những làng nghề truyền thống tiêu biểu ở Vĩnh Phúc

Trong quá trình tìm hiểu, Vĩnh Phúc có rất nhiều làng nghề truyền thống vẫn tồn tại cho đến ngày nay như làng mộc Bích Chu, làng rèn Lý Nhân, làng đúc nồi Tam Đồng...nhưng những làng nghề này ít có ý nghĩa phục vụ cho hoạt động du lịch cho nên em đã đi sâu tìm hiểu một số làng nghề truyền thống tiêu biểu sau:

2.2.1 Làng gốm Hương Canh

2.2.1.1 Tổ nghề gốm Hương Canh

Xưa nay dân làng Hương Canh mỗi khi kể về ông tổ nghề gốm cổ truyền của vùng mình vẫn thường nhắc đến hai vị: một là vụ Đổ Quang, hai là cụ Đào Nồi (còn gọi là ông Nồi hay Nồi Hàu) “Truyện thuyết Hùng Vương” (Hội VHNT Vĩnh Phú xuất bản năm 1981) trang 106, 107 có truyện ông Nồi. Truyện rằng: ở làng Hương Canh - xã Tam Canh (nay thuộc huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc) có một gia đình nghèo, chuyên sống bằng nghề nặn nồi niêu. Hai ông bà hiếm hoi sinh được một mụn con trai, đặt tên là Nồi. Nồi càng lớn, càng thông minh, lại giỏi vẽ, giỏi vật, được An Dương Vương cho làm tướng cai quản quân sĩ Âu Lạc. Ông Nồi kết hôn với cô gái mồ côi làng Chiêm Trạch gần kinh đô Cổ Loa, sinh được 2 người con trai, đặt tên là Đổng và Vực. Ba cha con ông Nồi đã nhiều lần làm cho quân xâm lược Triệu Đà thất điên bát đảo. Khi thấy Triệu Đà dùng kế hiểm, cho con trai là Trọng Thủy sang cầu hôn với công chúa My Châu, ba cha con ông vào triều can ngăn, vua Thục không nghe. Ông Nồi cùng hai con xin từ chức về Chiêm Trạch làm ruộng, nặn nồi. Quân Triệu Đà chiếm được Loa Thành, Triệu Đà sai người dụ ba cha con ông ra làm quan. Thấy ông không nghe, Triệu Đà cho quân bao

vây Chiêm Trạch. Cả nhà ông phá vây, chạy về quê cũ Hương Canh. Giặc bao vây Hương Canh, ông quay về Chiêm Trạch, lúc ấy là nửa đêm, dân làng đã đóng chặt cổng. Giặc đuổi tới nơi, vợ chồng ông rút dao tự vẫn. Đổng và Vực chạy đến nơi, thấy cha mẹ đã chết, cũng tự tử theo. Dân làng chôn cất họ ở khu gò rìa làng. Về sau, mọi người gọi đấy là “Gò Thánh Hoá”. Nhân dân hai thôn Ngọc Chi và Vĩnh Thanh (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội) đã lập đền thờ và ở Hương Canh nhân dân cũng lập đền thờ cúng ba bố con ông Nồi.

“Truyền thuyết các vị thần Hà Nội” (Nhà xuất bản văn hoá - thông tin năm 1984) trang 50, 51 kể lại: Xưa có một người quê Hương Canh (Vĩnh Phúc) làm nghề nặn nôi niêu. Hai vợ chồng nhà ấy sinh được một cậu son trai đặt tên là Nồi...

Trong cuốn “Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề” do Giáo sư Trần Quốc Vượng và PTS Đỗ Thị Hảo biên soạn (Nhà xuất bản - Văn hoá dân tộc 1996) ở mục nghề gốm, trang 92, 93, 94 có ghi:

“Đào Nồi con ông Đào Hoàng, vốn gốc người Tuyên Quang, ông tổ 4 đời đã chuyển cư về làng Hương Canh (Vĩnh Phúc) lập nghiệp bằng nghề nặn nôi niêu. Nói được nghiệp nhà, Đào Nồi nổi tiếng khắp vùng là người thợ lỗi lạc, tài hoa. Ông lấy vợ họ Dương, người làng Chiêm Trạch (nay thuộc Đông Anh - Hà Nội) cũng là thợ làm nôi khá giỏi giang. Vợ chồng sinh được 2 con đặt tên là Đổng và Vực. Đào Nồi không những giỏi nghề mà còn tinh thông võ nghệ, được Thục An Dương Vương cho làm quan, ban tước Hầu, nên còn gọi là Nồi Hầu. Triệu Đà diệt được vua Thục, đem quân vây làng Chiêm Trạch bắt Nồi Hầu. Gia đình ông chạy về quê cũ Hương Canh. Giặc vây làng Canh, ông lại đưa vợ con quay về Chiêm Trạch. Cổng làng chưa kịp mở, giặc đã tới. Vợ chồng ông rút dao tự sát, hai người con trai cũng chết theo. Dân làng thương tiếc, kính phục, chôn cất gia đình ông ở một khu gò, gọi là mộ Thánh Hoá (thuộc thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, Đông Anh). Đồng thời lập đền thờ để nhớ ơn người vừa là tổ nghề vừa có khí tiết, không đội trời chung với kẻ thù xâm lược.

Làng Hương Canh thuộc xã Tam Canh (Bình Xuyên, Vĩnh Phúc) vốn có nghề làm vại, làm tiểu sành... từ rất lâu đời. Dân gian kể rằng: Ngày xưa có ba ông thợ rất giỏi nghề gốm. Họ rất thân thiết với nhau và cũng rất gắn bó với nghề, muốn con cháu đời sau nối nghiệp cha ông, các ông bèn chia nhau đi: Một người về Thanh Hoá, một người về Bắc Ninh và một người về Hương Canh. Cụ tổ ở Hương Canh tên là Đỗ Quang. Hành trạng cụ không được lưu truyền nhưng đền thờ và tượng vẫn còn (hiện ở giữa xóm Cang). Đền không biết xây từ bao giờ nhưng vào năm Cảnh Hưng (vua Lê Hiển Tông 1740 - 1786) đã được tu bổ khang trang. Hàng năm, dân làng tổ chức giỗ tổ vào ngày mùng 6 tháng Giêng, ngày mất của tổ nghề.

Tiến hành khảo sát vùng xóm Cang (cũ), cán bộ khảo cổ đã phát hiện ở độ sâu 2 mét có nhiều mảnh gốm cổ, bao gồm: mũi ngói, chế phẩm của vại, nôi, vung... (theo tài liệu của tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn).

Như vậy, từ truyền thuyết dân gian, đến ngôi đền thờ tổ nghề và các di chỉ khảo cổ, ta có thể khẳng định nghề gốm Hương Canh đã có từ lâu đời, và ở Hương Canh có đến 2 ông tổ nghề gốm: ông Đào Nôi, hay Nôi Hài là ông tổ nghề gốm nôi niêu, ông Đỗ Quang là ông tổ nghề gốm chum vại. ở Hương Canh đã từng có ngôi đền thờ ông tổ nghề Đào Nôi - Nôi Hài hay không, theo chúng tôi cũng không quan trọng lắm, miễn là cho đến nay ông vẫn tồn tại trong tâm thức người dân Hương Canh cùng với những huyền thoại về người thợ nặn tài hoa và có khí tiết anh hùng.

Một số ai đó cứ cố chứng minh rằng ở Hương Canh không có Đào Nôi - ông Nôi - Nôi Hài, tưởng cũng nên nhìn rộng ra các vùng gốm khác trong cả nước. Thực tế qua khảo cổ học cho thấy, không phải làng gốm nào ra đời cũng phát triển và mở rộng lên mãi. Nhiều khu gò gốm nổi tiếng hiện chỉ còn là phế tích. Những thế hệ con cháu của họ sau này không còn biết nghề gốm ở ngay trên quê hương mình nữa, có chăng chỉ còn là ký ức (ví như nghề nặn nôi niêu không còn thấy ở Hương Canh nữa, mà chỉ còn thấy chum vại, tiểu... rồi gạch, ngói).

Nhưng có điều này là sự khẳng định chắc chắn: ở Hương Canh, nghề gốm cổ truyền phát triển kéo dài nhiều thế kỷ nổi tiếng khắp nơi, ăn sâu vào tiềm thức người dân. Mặt hàng truyền thống ở Hương Canh rất đa dạng, phong phú: vại, chum, nôi, ấm... và tiểu sành. Gốm Hương Canh phát triển không theo hướng đồ sứ mà theo hướng sành hoá, với kiểu dáng đẹp, độ nung cao, đánh và không thấm nước, nhằm phục vụ những nhu cầu thiết yếu nơi dân dã.

2.2.1.2 Nghề gốm Hương Canh xưa và nay

*“Gốm Hương Canh, gạch Bát Tràng
Vải tơ Nam Định, lụa làng Hà Đông”
(Ca dao)*

Gốm Hương Canh trải qua 3 thế kỷ phát triển đã đem lại cuộc sống ấm no, đầy đủ, tạo ra một vùng dân cư sầm uất. Cũng giống như gốm Bát Tràng, Hương Canh đã trở thành địa danh sản xuất gốm sành nổi tiếng cả nước.

Trải qua bao thăng trầm của các giai đoạn lịch sử, Hương Canh vẫn giữ được nghề chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật vẫn luôn được cải tiến, khách hàng vẫn yêu quý gốm Hương Canh.

Sau CM tháng 8 năm 1945 và đến năm 1958 thực hiện đường lối kinh tế tập thể của Đảng và Nhà nước, các cơ sở sản xuất gốm trong tỉnh cũng tiến hành thành lập hợp tác xã gốm Hương Canh. Trong cơ chế bao cấp lúc bấy giờ, các hợp tác xã làm ăn thịnh vượng, cơ sở sản xuất được mở rộng, riêng cơ sở Hương Canh số lò tăng lên hàng chục lò, lò nào cũng có công suất lớn. Nhà nước còn cho hợp tác cử người sang các nước bạn như: Tiệp Khắc để học tập tiếp thu khoa học kỹ thuật về xây dựng hợp tác xã Hương Canh cùng các nơi khác sản xuất gốm trên đất Vĩnh Phúc trong giai đoạn này đều thịnh vượng, đời sống xã viên được nâng cao.

Đến năm 1986, sau khi Đảng và Nhà nước xoá bỏ chế độ bao cấp, mở ra chế độ mới, cơ chế thị trường. Đang quen với cơ chế bao cấp, nay chuyển sang cơ chế mới đầy khó khăn, thách thức. Người quản lý không đủ tài năng

nhìn xa trông rộng, dám nghĩ dám làm, không mạnh dạn chuyển đổi mặt hàng và tổ chức sản xuất cho thích hợp với thị trường thời mở cửa. Trên thị trường nảy sinh giá cả, mấu mã, chính vì vậy mà công nghệ khoa học được áp dụng và sáng tạo nhiều trong việc sản xuất các mặt hàng tiêu dùng rồi tất cả các mặt hàng khác. Riêng mặt hàng gốm, từ gốm xây dựng đến các đồ đựng gia dụng rồi gốm trang trí... cũng được hay thế bằng các chất liệu khác rẻ, đẹp, bền vững. Quan trọng hơn cả là vấn đề công nghệ mới luôn luôn được thay thế trong lĩnh vực này, đã tạo ra chất lượng, mỹ thuật, giá cả hấp dẫn.

Từ đây, gốm Hương Canh đã đi vào con đường bế tắc, hợp tác xã đã chịu bó tay và đi đến giải thể.

Sau khi hợp tác xã giải thể thì Hương Canh đại bộ phận chuyển sang nghề làm ngói. Thợ làm gốm Hương Canh đang gặp khó khăn, đối với họ làm ngói là một nghề cứu cánh mới. Cả làng Hương Canh có đến hàng trăm, hàng nghìn lò ngói mọc lên. Những năm đầu, do nhu cầu ngói hoá ở nông thôn trong xây dựng cơ bản, mặt hàng ngói tiêu thụ quá mạnh. Ngói Hương Canh gần như độc quyền ở khu vực phía Bắc. Làm ngói tuy vất vả nhưng cũng giải quyết được cuộc sống trước mắt nên mọi nhà đổ xô vào làm ngói, gốm sành không ai nghĩ tới. Nhưng chẳng bao lâu thì công nghệ sản xuất tẩm lợp ra đời. Một lần nữa Hương Canh đi vào ngõ cụt.

Đối với nghề, Hương Canh hiện nay chỉ còn 04 hộ sản xuất chỉ có ông Nguyễn Văn Thanh là người quan tâm phục hồi nghề gốm từ năm 1995 đến nay là còn tồn tại và phát triển được nhờ sự giúp đỡ, cố vấn, chuyên gia về kỹ thuật, mỹ thuật của các cơ quan như UBND, Phòng lao động. Ông Thanh đã biết chuyển hướng mặt hàng, tiếp thu công nghệ gốm mỹ thuật làm ra những sản phẩm gốm mới (gốm mỹ thuật).

Từ năm 1995 đến nay, cơ sở gốm của ông đã đứng vững và phát triển tốt. Hiện nay đã có một số gia đình cũng theo cách làm của ông và họ đang ra sức phục hồi lại nghề gốm của mình.

2.2.1.3 Những sản phẩm truyền thống của gốm Hương Canh

Trước đây, làng gốm Hương Canh thuộc huyện Bình Xuyên rất nổi tiếng, được nhiều người biết đến và đã được đi vào thơ ca:

*“ Ai về mua vại Hương Canh
Ai lên mình gửi cho anh với nàng ”*

Khi mới ra đời, làng nghề chủ yếu sản xuất các loại đồ dùng có chức năng bảo quản lương thực thực phẩm của gia đình. Sản phẩm làm ra chủ yếu là các loại chum, vại đựng thóc, ngô, gạo, rồi tiếp đến người ta đựng nước, đựng tương, ủ rượu, nôi đất, ấm pha trà, tiểu sành. Tất cả đều là những thứ đồ đựng hết sức thô sơ, đơn giản cả về kiểu dáng và văn hoa nên giá thành cũng rất thấp. Dần dần do nhu cầu xây dựng các công trình nhà ở, người ta chuyển sang làm thêm cả ngôi. Ngôi Hương Canh được nhiều nơi ưa chuộng, ngôi có màu đẹp, lợp nhà mát, độ bền tương đối cao. Các sản phẩm gốm Hương Canh tạo nên hoàn toàn từ nguyên liệu đất gốm thô sơ, không phụ thuộc nhiều ở chất men trắng như gốm Bát Tràng mà chỉ nhờ vào lượng nhiệt nung trong lò tạo ra. Dù các sản phẩm ra lò không mềm mại, mượt mà như gốm của Bát Tràng, Quảng Tây nhưng lại có cái mộc mạc giản dị rất cá tính. Chính sự gân guốc hoang sơ như đồ vật cổ của gốm mỹ nghệ Hương Canh đã tạo nên nét riêng biệt hấp dẫn.

2.2.1.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất

Tổ chức quản lý.

Năm 2003 sở công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp làng nghề tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phúc giai đoạn 2005 - 2010, được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2943/ QĐ-UB ngày 02/07/2003. Theo quy hoạch đã được phê duyệt thì đến năm 2010 sẽ hình thành 28 cụm tiểu thủ công nghiệp, trong đó có cụm làng nghề gốm Hương Canh.

Cụm làng nghề Hương Canh được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại quyết định số 970/QĐ - UBND ngày 08/05/2005 với tổng diện tích quy hoạch là 11,5ha và tổng vốn đầu tư là 31,5 tỉ đồng chưa thực hiện đầu tư xây

dựng hạ tầng.

Theo quyết định này sau khi giải phóng mặt bằng đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng xong các hộ còn làm nghề truyền thống ở Hương Canh sẽ chuyển đến cụm làng nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo tồn nghề và phát triển mạnh sản xuất.

Cùng với sự giúp đỡ của tỉnh Vĩnh Phúc, UBND thị trấn Hương Canh cùng tổ chức từ thiện MCC của Mỹ cũng đã thực hiện dự án khôi phục và tạo việc làm nghề truyền thống Hương Canh. Ngày 26/09/2001 UBND thị trấn Hương Canh đã quyết định thành lập “Hội người làm gốm” gồm 17 thành viên, hội viên. Hội đã đề ra quy chế hoạt động của hội và thực hiện hoạt động theo kế hoạch đã đề ra, thực hiện giúp đỡ nhau trong sản xuất kinh doanh, tiếp thị, bước đầu hội đã đi vào thực hiện. Ngoài ra UBND thị trấn còn mở lớp dạy nghề gốm, đào tạo ra các lớp kế tục nghề nhân trước và đem lại hi vọng mới cho gốm Hương Canh.

Mấy năm gần đây UBND thị trấn Hương Canh cùng phối hợp với sở Văn hoá - Thể thao - Du lịch tiến hành nghiên cứu tiềm năng phát triển du lịch về với các làng nghề, góp phần không nhỏ cho việc quảng bá về các làng nghề với bạn bè gần xa.

Quy trình sản xuất.

Trong lần thực tế tại xóm Lò Cang, em được tiếp xúc trực tiếp với nghệ nhân Nguyễn Nhạn, là một trong những người còn giữ được ngọn lửa của nghề gốm Hương Canh, ông là giám đốc của công ty TNHH Thanh Nhạn, nhưng nhìn ông chân chất, giản dị, dễ gần. Chính bàn tay ông đã tạo ra bao nhiêu sản phẩm ông cũng không nhớ nữa. Sau khi trò chuyện, ông đã cho em tận mắt chứng kiến các công đoạn để làm ra một sản phẩm gốm Hương Canh.

Bao gồm 4 công đoạn:

Công đoạn thứ nhất: làm đất. Có 2 phương pháp:

Phương pháp một: làm đất cho đồ gốm gia dụng.

Đất được lấy trong làng để ở kho dự trữ, khi dùng mang ra nơi làm đất,

tươi nước để ủ. Đất này phải tưới từ từ thì nước mới ngấm vào từng hạt đất để có độ ẩm nhất định. Thời gian ủ là một ngày một đêm, sau đó người ta sẽ dùng “mai”- dụng cụ xúc đất xúc từng lượt mỏng nhất định, làm cho hòn đất vỡ ra sao đó tưới nước lần nữa, cứ như thế 3 lần, khi nào thấy đất dính vào mai nhiều có nghĩa là đất đã được ngấm tốt. Đất được đắp thành từng quả hình tròn cao, cách mặt đất khoảng 1m, người thợ dùng kéo cắt đất trải mỏng ra xung quanh cối đất, lại dùng 2 kéo chập lại để băm đất, sau đó dùng chân dẫm đất, mục đích của việc này là làm cho đất có sự liên kết và dai đất. Quá trình này lặp đi lặp lại 4 lần. Khi nào thấy trong đất có hòn sỏi tự động rơi ra thì lúc đó gọi là “đất chín”.

Phương pháp thứ hai: dùng cho hàng mỹ nghệ.

Đất được phơi khô, đập nhỏ, sau đó ngâm vào bể đánh, thời gian là 3 tiếng. Đất tan thành nước, dùng mô tơ điện khoáng (dưới đầu mô tơ người ta lắp cánh quạt) để chém đất và nước, làm cho đất tan ra thành dịch lỏng. Tiếp đến chất lỏng ở bể đánh sẽ được chảy theo đường ống qua một lưới lọc (250 mắt/cm²) chảy vào bể hai. Vãn chu kì đó dẫn sang bể ba (những hạt to sẽ rơi ở bể một, hạt vừa rơi ở bể hai, hạt cực nhỏ dẫn sang bể ba) cho nước lắng lại, nước trong nổi lên, dẫn nước trong lên bể thác, tiếp tục công đoạn như trên. Đất lắng đầy ở bể ba được múc lên để ở bể dự trữ, hàng ngày người thợ tháo nước ở trong bể dự trữ, còn lại đất lắng xuống ở dạng hơi đặc, lúc này đất được đem ra xử lý.

Người nghệ nhân có 2 cách xử lý và bảo quản đất:

Cách xử lý thủ công: Đất đặc được đổ vào khuôn thạch cao phơi ra trời nắng. Đất được thạch cao hút hết nước, mặt trời chiếu xuống làm cho nước bốc hơi, người thợ kiểm tra thấy độ dẻo vừa phải, bóc đất đem vào trong nhà dự trữ, dùng nilon che kín bảo đảm cho đất không bị khô cứng.

Cách xử lý hiện đại: Đất dạng hơi đặc được đưa vào bình chứa của máy ép thủy lực có công suất 1000kg/1cm², nước sẽ bị triệt tiêu để ra ngoài còn đất ở lại, đất triệt tiêu được 90% sỏi sạn. Đất hoàn chỉnh được đưa xuống hầm bảo

quản.

Công đoạn hai: tạo hình. Có hai cách tạo hình:

Tạo hình thủ công bằng phương pháp chuốt tay.

Yêu cầu có 2 người thợ: người thợ thứ nhất làm nhiệm vụ lăn đất, kéo dài thành hình con trạch, vỗ đất dẹt mỏng để làm đáy sản phẩm sau đó chuyển sản phẩm ra ngoài sân phơi. Người thợ thứ hai là người thợ chuốt. Căn cứ vào bản vẽ, mẫu mã, kiểu dáng của khách hàng yêu cầu, người thợ đặt miếng đất xoắn theo hình xoắn chôn ốc và cho bàn chuốt chạy, lợi dụng lực ly tâm để chuốt làm mỏng sản phẩm.

Tạo hình bằng phương pháp đổ rót.

Đất lọc kĩ ở dạng loãng pha thêm một tỉ lệ nhất định SiHO_3 để nhằm mục đích cho đất tan ra một lần nữa, sau đó ta ra đất bằng thạch cao, thạch cao hút nước mạnh. Lúc này, đất được đổ vào tùy theo độ dày của sản phẩm để đổ nhiều lần hay ít. Khuôn được đen ra phơi cho tới khi đất tách được khỏi khuôn.

Công đoạn ba: Hoàn thiện sản phẩm.

Đến công đoạn này bác Nhận vừa nói vừa chỉ cho em hướng mắt vào người thợ bên cạnh, khi anh đánh làm công đoạn trang trí bình hoa. Anh đặt chiếc bình hoa lên bàn xoay và quay đều, sử dụng những dụng cụ một cách khéo léo để gọt tĩa và lấy ra những hạt sạn nhỏ li ti không may dính vào sản phẩm để làm cho sản phẩm hoàn chỉnh hơn và sau đó con dâu của nghệ nhân Thanh Nhận chuyên làm công việc vẽ những mẫu hoa văn. Bàn tay chị nhanh nhẹn, khéo léo vẽ những mẫu hoa văn hết sức tinh tế, thổi hồn vào những sản phẩm làm cho sản phẩm thêm sống động. Sau khi vẽ xong, chị mang ra sân phơi khô sản phẩm.

Công đoạn thứ tư: cho gốm vào lò.

Người nghệ nhân nhanh chóng chuyển sản phẩm vào lò nung đốt. Lúc này, người nghệ nhân đã điều luyện khi nắm chắc kỹ thuật vào lò: sắp xếp như thế nào cho sản phẩm khỏi bị dính, mỗi lượt lò nung khoảng 2 ngày 2

đem. Đầu tiên người nghệ nhân sẽ đốt lửa nhỏ sau đó cho lửa to dần. Không cần thiết bị hiện đại mà người nghệ nhân dựa vào kinh nghiệm lâu năm của mình, họ biết lúc nào thì tăng nhiệt độ của lò: khi mới đốt hơi nước còn nhiều, khi nào nhìn trên ống khói không còn nhiều hơi nước thì nghệ nhân tăng tiếp nhiệt độ cho nước bắt vào sản phẩm. Sản phẩm khi lấy khỏi lò phải chờ được kiểm nghiệm rồi mới đem ra tiêu thụ sản phẩm.

Từ những năm đất của quê hương qua bàn tay khéo léo của người nghệ nhân đã hoá thành những sản phẩm độc đáo đến với bạn bè gần xa.

Hoạt động sản xuất.

Hương Canh nổi tiếng với nghề làm gốm nhưng hiện nay chỉ còn 4 hộ sản xuất gốm sau nhiều bước thăng trầm.

Nghề gốm truyền thống của Hương Canh sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làm ra các sản phẩm chính như: chum, vại, lọ... Đây là những mặt hàng đơn giản, giá bán rẻ, không đủ sức cạnh tranh với thời kỳ mở cửa.

Dựa vào ưu điểm của gốm Hương Canh là đất sét có độ bền vật liệu, có sự liên kết chặt chẽ, không bị thấm lậu, âm điệu tiếng kêu trong và vang, đặc biệt là không phải dùng đến men. Người nghệ nhân có tay nghề cao, làm ra các sản phẩm đẹp sẽ đáp ứng nhu cầu của thị trường, hơn nữa đất làm gốm Hương Canh chỉ bằng 1/50 của diện tích đất làm ngói, không gây ô nhiễm môi trường mà hiệu quả kinh tế lại cao. Những nghệ nhân gốm Hương Canh đã biết tạo nên những sản phẩm gốm mỹ thuật. So với hàng dân dụng thì hàng mỹ thuật giá cao hơn hàng chục lần. Một cái tiểu bình thường chỉ bán với giá 50.000- 60.000 đồng, thì một cái tiểu mỹ thuật bán được với giá từ 600.000- 700.000 đồng hay như một lọ đựng tương chỉ có giá 5000 đồng nhưng khi tạo hoa văn trang trí thì có giá lên đến 40.000 đồng thậm chí có cái lên tới 400.000 đồng. Như vậy cải tiến mẫu mã sản phẩm sẽ đem lại thu nhập cao hơn cho người nghệ nhân.

Nói về thu nhập bác Nhận cho biết: trước kia đời sống của các hộ làm gốm gặp rất nhiều khó khăn nhưng mấy năm gần đây đã được cải thiện hơn

nhieu, trung bình thu nhập của gia đình bác tính theo đầu người là 2.000.000 đồng/ tháng, những nghệ nhân như bác đã an tâm với nghề hơn.

Để cải tiến mẫu mã, kỹ thuật, tạo ra nhiều kiểu dáng mới cho sản phẩm nhiều gia đình ở Hương Canh đã dành nhiều thời gian đi tìm mua các loại sách để tìm hiểu, nghiên cứu về mẫu mã các sản phẩm, thông qua các sản phẩm đặt hàng của khách để cho ra những ý tưởng của riêng mình, làm ra những sản phẩm có giá trị thẩm mỹ, bán được giá cao: rồng thời Lý, đèn vườn... mỗi cái một dáng vẻ trang trí khác nhau. Gốm mang nhãn hiệu Hương Canh đã có mặt trên khắp các tỉnh của đất nước và còn được nhiều nước đặt hàng như: Anh, Pháp, Thụy Sĩ... và rất được ưa chuộng.

Từ sự phát triển trên, Trung tâm Khuyến Công tỉnh Vĩnh Phúc nhận thấy hướng đi phù hợp cho làng nghề gốm Hương Canh đã đầu tư cho công ty của bác Nhận 50% tổng số vốn đầu tư trang thiết bị, công cụ sản xuất. Nhờ đó mà 5 xưởng gốm đã được khôi phục, 3 lò nung được xây dựng mới, 30 thợ thủ công đã có việc làm.

Một tương lai đầy triển vọng đến với nghề gốm Hương Canh. Hy vọng gốm Hương Canh không chỉ là vật trang trí được ưa chuộng tại xứ sở Kim Chi và các nước Châu Âu mà mau sành mang đậm hồn Việt sẽ còn được nhiều nước trên thế giới biết đến và ưa chuộng.

2.2.2 Nghề đục đá Hải Lựu

2.2.2.1 Tổ nghề đục đá Hải Lựu

Làng nghề đục đá Hải Lựu đã tồn tại hàng nghìn năm nay ở xã miền núi Hải Lựu - Lập Thạch. Tuy nhiên, khi được hỏi tới vị tổ nghề thì hầu như mọi người đều không rõ vì họ không thấy ai nhắc tới vị tổ nghề, chỉ là nghề cha truyền con nối và vì thế mà họ không thờ tổ nghề mà chỉ thờ ông bà, tổ tiên.

2.2.2.2 Làng nghề đục đá xưa và nay

Thời kỳ đồ đá đã lùi xa vào quá khứ, hàng vạn năm rồi. Chúng ta hiện đang sống trong thời kỳ đồ điện tử. Nhưng mỗi gia đình ngày nay, nhất là ở nông thôn vẫn còn không ít các vật dụng bằng đá. Từ cái cối xay bột, hòn đá

mài dao, cối giã cua đến cái máng lợn ăn... Trước những ngôi nhà cổ, từ bao đời nay vẫn khiêm nhường có hai con chó đá ngồi canh cổng với sự trung thành đến vĩnh cửu.

Trên quê hương ta ai cũng biết những tấm bánh ngon nhất thường được làm từ bột gạo xay bằng cối đá, khoan giò lục hảo hạng cũng phải được giã bằng chày gỗ nhẵn trong chiếu cối đá xanh. Trong dân gian, những nơi linh thiêng như đình, chùa, đền, miếu không thể thiếu những đồ thờ bằng đá. “ Nồi đồng cối đá” luôn là tiêu chuẩn chất lượng để so sánh với các vật dụng trong thời đại hiện nay.

Từ lâu người dân miền Bắc nước ta đã rất quen dùng đồ đá nhưng ít ai biết đến nơi đã sản sinh ra chúng. Đó là vùng núi Thét thuộc xã Hải Lựu, huyện Lập Thạch. Nơi đây với khu Đồng Trăm với bạt ngàn đá nổi vân màu ngũ sắc, dùng làm vật liệu trang trí trong xây dựng. Khu Đồng Trổ đầy rẫy đá xanh, đá xám với nhiều màu sắc từ trắng ngà, gan gà, da cóc... hợp tiêu chuẩn lý hoá để cho những bàn tay vàng của người thợ đá đến trổ tài từ ngàn đời nay, từng làm ra vô vàn sản phẩm bền chắc, tồn tại song hành cùng thời gian, đã và sẽ là cổ vật, trở thành đối tượng nghiên cứu của ngành khảo cổ học.

Người dân xã Hải Lựu ở dưới chân núi Thét đa phần lấy công việc đục đẽo đá làm nghề phụ. Hàng năm, sau hai vụ chiêm - mùa mọi người lại com đùm com nắm vác đòn ổng, dây thừng toong teng túi dụng cụ, đồ nghề. Sáng leo lên ngang sườn núi, ngắm nghía lựa chọn từng vỉa đá rồi đục đẽo gọt dũa những tảng đá gồ ghề với muôn hình vạn trạng trở thành các vật dụng như ý để rồi khi mặt trời khuất núi cùng nhau khuân vác các đồ đá nặng trĩu đó về nhà. Những khi thời tiết thuận lợi, có thể dựng lều lán ngủ lại qua đêm để rồi sau đó phải huy động cả nhà dành ra hàng buổi mới khuân hết sản phẩm xuống núi. Rồi lại hàng tuần, hàng tháng dong duổi xuống thuyền ngược sông Lô, xuôi sông Hồng hoặc theo xe lăn bánh gập ghềnh qua miền sơn cước mang đồ đá đi khắp nơi tiêu thụ, bán hết hàng lại quay về làm lại từ đầu.

Người thợ đá lấy đó làm niềm vui trong lao động giữa lưng chừng núi

cao lộng gió, dù có bị mảnh đá văng ra làm sây sát chân tay, bụi đá làm mắt đau họng rát. Chỉ với cái búa, vài cái đục, cái chòong bằng sắt cộng thêm cái vò trắng gỗ lim gỗ sến với chiếc compa tự tạo, đoạn dây dọi đơn sơ, người thợ đá Hải Lữ từ bao đời nay đã cung cấp đồ đá cho khắp mọi nơi. Những sản phẩm lớn như voi đá, ngựa đá, toà sen, tượng phật, chân cột đình, bia văn tự, đình lư hương, thấp nhang sân chùa, nhịp cầu bằng đá....Khách hàng phải vẽ mẫu và đặt trước để bố trí cả hiệp thợ cùng làm, cùng di chuyển tác phẩm đã hoàn thành xuống núi an toàn về nơi quy định. Có điều lạ là nghề đục đẽo đá ở đây tuy cũng dùng đục bằng thép cứng nhưng lại đập bằng vò gỗ nên trong lúc làm việc dù rất đông thợ cùng làm nhưng cũng chỉ phát ra những tiếng trầm đục rất khiêm nhường chứ không có âm thanh chát chúa như những nghề đục đẽo khác. Đó cũng là tính cách của người dân xã Hải Lữ luôn luôn ôn hoà.

Nhiều người thợ ở đây đã được tôn vinh có bàn tay vàng với trình độ nghệ nhân. Mặc dù làm cật lực, mỗi ngày công cũng chỉ được trên dưới 20.000 đồng. Từ năm 1998, với sự hỗ trợ của Hiệp hội các làng nghề tỉnh Vĩnh Phúc, địa phương đã mời nghệ nhân Nguyễn Sang chuyên làm đồ đá mỹ nghệ ở làng đá Non Nước Ngũ Hành Sơn ra dạy nghề cho lớp trẻ thì giá trị ngày công của người thợ đá ở đây mới được nâng cao chút ít. Tuy vậy ai nấy cũng rất quý trọng nghề truyền thống của làng. Càng yêu nghề, người thợ càng yêu núi đá của quê hương đã cho nguyên liệu quý để hành nghề., nhiều như đá núi nhưng không ai lãng phí đá. Dù khai thác được hòn đá to hay viên đá nhỏ, người thợ đều phải có tính toán chi li xem từng thớ đá để cho ra những sản phẩm thích hợp. Cũng như người thợ mộc, thợ đá cũng phải 3 lần đo mới có một lần quyết định vạch lỗ cắm chòong để tách từng tảng đá ra mà đục đẽo.

Vừa qua, chính quyền địa phương đã cho thành lập doanh nghiệp khai thác đá xẻ với hơn 200 công nhân có sự hỗ trợ của máy móc hiện đại, mỗi năm đá xuất khẩu hàng ngàn mét khối đá ở dạng nguyên liệu. Những người

thợ đá ở đây luôn cảm thấy tiếc rẻ và cũng cho rằng đó chỉ là giải pháp tình thế tạm thời để vượt qua thời kì xoá đói giảm nghèo.

Không phải ngẫu nhiên mà đá Hải Lựu có mặt ở nhiều thị trường như Ý, Nga, Cộng hoà Séc, Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia...như bây giờ. Nghệ nhân chấp cánh, thổi hồn để những hòn đá vùng quê miền núi trở nên thanh tao, sống động chính là cụ Không Văn Khanh, năm nay 89 tuổi ở thôn Dừa Cả, xã Hải Lựu. Giờ đây mắt cụ đã mờ, tay đã run nhưng vẫn làm thầy của hàng chục học trò - nghệ nhân làm đá mỹ nghệ ở Hải Lựu. Từ đời ông cha cụ Khanh đã làm nghề đục đá. Những năm tháng đất nước còn bao cấp, đá Hải Lựu đã đi khắp mọi miền đất nước dưới dạng cối đá các loại, hòn kê cột nhà, đá mài dao...Cụ Khanh cũng làm nghề này nhưng đục đá chỉ cần “đủ ăn”, thời gian còn lại cụ dùng cho đá mỹ nghệ.

Thời đó, người ta rất ít mua đồ đá mỹ nghệ bởi “com còn chưa đủ nói gì đến chơi”. Thế nhưng, cụ Khanh cứ làm để giữ nghề. Yêu nghề, cụ tạc hẳn lên vách núi bức tranh “cầm chi phượng, thú chi lân” - như con phượng hoàng của loài chim, như con kỳ lân của loài thú. Chẳng bán được vách núi cho ai nhưng ai nhìn cũng thích. Dù chỉ là “thợ vườn” như cụ nói, nhưng cụ khá thông hiểu về mỹ thuật, cả “phương tây” lẫn “phương ta”. Những tượng sư tử vờn cầu, lưỡng long châu nguyệt, bát tiên quá hải, Trần Hưng Đạo đánh quân Nguyên, Quan Vân Trường một đao tới hội...đều rất có hồn với nét oai nghi của Đức Thánh, với những râu rồng, đuôi sư tử như đang ngoe nguẩy, đung đưa.

Đất nước mở cửa, đời sống người dân ngày càng khá giả, hàng mỹ nghệ của cụ Khanh không đủ bán. Hiện ở xã Hải Lựu có 2 công ty TNHH chuyên sản xuất đá mỹ nghệ và khai thác đá xây dựng. Doanh thu từ đá hàng năm lên hàng chục tỷ đồng. Riêng sản phẩm đá mỹ nghệ Hải Lựu đã có mặt ở hầu hết các công sở, công viên, nhà dân, ở những phòng khách sang trọng khắp khu vực.

Chúng ta đang tiến tới xây dựng nền công nghiệp hoá - hiện đại hoá công nghệ xi măng tuy có nhiều ưu điểm nhưng vẫn không thể thay thế chất liệu đá trong các đồ dùng bằng đá mang đậm nét truyền thống văn hoá trong mỗi gia đình ở nông thôn. Những người thợ đá ở Hải Lựu vẫn cần cù đục đẽo để cho ra đời mỗi năm hàng vạn đồ đá cho nhân dân khắp vùng, vừa có việc làm lúc nông nhàn, vừa góp phần giữ gìn nghề truyền thống mang đậm nét bản sắc dân tộc. Nhiều khách nước ngoài qua đây đã mua nhiều đồ đá về làm kỷ niệm bởi họ hiểu rõ giá trị của các sản phẩm mang tính chất vĩnh cửu này. Chúng ta càng phải giữ gìn nghề của cha ông để lại truyền cho mai sau.

2.2.2.3 Những sản phẩm truyền thống

Trước kia làng chỉ sản xuất cối đá, nhưng giờ đã sản xuất thêm cả những sản phẩm mỹ nghệ như : voi đá, ngựa đá, toà sen, tượng phật, chân cột đình, bia văn tự, đình lư hương, thắp nhang sân chùa, nhịp cầu bằng đá, sư tử vờn cầu, lưỡng long châu nguyệt....

2.2.2.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất.

Tổ chức quản lý: Năm 2003 sở công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp làng nghề tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phúc giai đoạn 2005 - 2010, được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2943/QĐ-UB ngày 02/07/2003. Theo quy hoạch đã được phê duyệt thì đến năm 2010 sẽ hình thành 28 cụm tiểu thủ công nghiệp, trong đó có làng nghề đục đá Hải Lựu.

Quy trình sản xuất:

Gồm 3 công đoạn sau:

Công đoạn thứ nhất: Chọn và khai thác nguyên liệu.

Sau khi nhận được đơn đặt hàng, người thợ xác định loại đá phù hợp với sản phẩm là loại đá có thớ mỏng hay dày, có vân hay không có vân...nhưng dù là loại đá nào thì cũng không được lẫn cát sỏi, thớ đá mịn, như vậy sẽ dễ tạo sản phẩm mà không tốn nhiều lưỡi cưa. Đá ở khu vực Đồng Trỏ, Đồng Trăm của núi Thét là những thớ đá không bị ròn, màu sắc đẹp. Sau khi chọn

được loại đá phù hợp sẽ tiến hành khai thác. Khai thác có thể dùng 2 phương pháp là thủ công với búa và đục, hoặc dùng cưa máy. Sau khi khai thác, nếu tiến hành làm tại núi thì không phải vận chuyển nguyên liệu còn nếu làm tại xưởng thì phải vận chuyển bằng ô tô đưa đá về xưởng để tiến hành chế tác sản phẩm.

Công đoạn thứ hai: Chế tác sản phẩm.

Với những sản phẩm khác nhau thì phương pháp chế tác là khác nhau:

Nếu đơn đặt hàng là hoành phi, cuốn thư có chữ Hán thì trước tiên phải đo kích thước phôi đá xem đủ độ dài, rộng hay không? xác định khoảng cách các chữ và in mẫu chữ lên phôi đá, xác định các họa tiết hoa văn sẽ trang trí theo đơn đặt hàng. Với hoành phi cần tạo viền trước, sau đó đục chữ và cuối cùng là đục các hoa văn trang trí, có thể dùng sơn tô hoặc để thô như vậy. Có thể đục bằng tay hoặc máy, tùy theo độ khó của chi tiết yêu cầu.

Nếu đục các con vật thì phải chọn thợ đá dày, chọn phôi phù hợp, tùy theo trình độ và con mắt thẩm mỹ của người thợ mà chế tác. Có thể vẽ hình con vật lên phôi rồi đục, đục phần đầu rồi đến thân và cuối cùng là phần đuôi. Tùy theo khả năng thẩm mỹ của người thợ mà các sản phẩm có vẻ đẹp khác nhau, và thời gian hoàn thành một sản phẩm là khác nhau.

Công đoạn thứ ba: Hoàn thiện sản phẩm.

Sau khi sản phẩm đã hoàn thành, cần kiểm tra lại các chi tiết theo đúng yêu cầu của khách hàng, chỗ nào chưa đúng thì sửa lại cho đúng và đẹp hơn. Bảo quản theo khu vực để tránh va chạm mạnh làm sứt mẻ sản phẩm vì sản phẩm khi sứt mẻ sẽ không thể đem bán. Có thể phun sơn theo yêu cầu.

Hoạt động sản xuất.

Hiện nay nghề đục đá ở Hải Lựu được tổ chức theo các xưởng chứ ít hộ làm riêng lẻ như trước kia. Các sản phẩm của làng đá không chỉ phục vụ nhu cầu nhân dân trong tỉnh mà khắp cả nước và cả nước ngoài, nhất là Đài Loan... Theo như những người thợ cho biết, thu nhập bình quân của họ tùy theo sản phẩm họ làm ra. Nếu sản phẩm yêu cầu cao, làm trong thời gian dài

thì ngày công của họ có thể lên đến 200.000 đồng/ ngày. Tuy nhiên các xưởng sản xuất càng ngày càng ra tăng về số lượng và số thợ cũng tăng lên do nhu cầu sử dụng ngày càng tăng.

Do có điều kiện thuận lợi là có nguồn nguyên liệu tự nhiên, tại chỗ và là xã nằm cạnh sông Lô cho nên việc sản xuất có nhiều thuận lợi từ khâu sản xuất đến khâu vận chuyển tiêu thụ.

Tuy nhiên, do công việc làm đá vất vả và những tác hại do việc làm đá gây ra cũng không phải là nhỏ. Nó ảnh hưởng rất lớn tới sức khoẻ con người, đặc biệt là các bệnh về tai, họng, mắt do bụi đá gây ra.

2.2.3 Làng nghề mây tre đan Triệu Đề

2.2.3.1 Tổ nghề mây tre đan Triệu Đề

Làng nghề mây tre đan Triệu Đề thuộc xã Triệu Đề, huyện Lập Thạch là làng nghề có lịch sử từ lâu đời. Nhưng cũng như làng nghề đục đá Hải Lựu, khi được hỏi tới vị tổ nghề thì không ai trong xã biết đó là ai và làng nghề có chính xác từ bao giờ. Bác Triệu Văn Đường là một người cao tuổi trong xã cho biết : “Đây là nghề có từ lâu đời trong làng, cha truyền con nối và cũng không thấy ai nhắc tới người làm nghề đầu tiên là ai. Vì vậy mà chúng tôi cũng chỉ thờ cha mẹ và ông bà tổ tiên”.

2.2.3.2 Làng nghề mây tre đan xưa và nay

Nghề mây tre đan là nghề truyền thống phát triển lâu đời gắn liền với sinh hoạt đời sống và sản xuất của người dân nông thôn, song chỉ có một số làng nghề phát triển thành làng nghề sản xuất hàng hoá.

Xưa làng nghề mây tre đan ở xã Triệu Đề rất phát triển do nguồn nguyên liệu dồi dào tại địa phương, cho nên nhà nào cũng làm như là một nghề kinh tế chính và làm quanh năm. Nhờ vậy mà người dân ở đây có thêm thu nhập vào thời gian rảnh rỗi, lúc nông nhàn. Năm 2008, doanh thu từ nghề mây tre đan đạt gần 60 tỷ đồng. Để tiếp tục đẩy mạnh ngành nghề này, trong thời gian tới, Trung tâm khuyến công tỉnh cho biết: Định hướng đến năm 2010 doanh thu từ nghề mây tre đan đạt 90 tỷ đồng. Tuy nhiên liệu ngành mây tre đan có

đạt được doanh thu như định hướng vì hiện tại số hộ làm mây tre đan đã giảm xuống, lực lượng kế tục ít. Cô Lưu Thị Phục có 4 người con cho biết: 2 người con gái của cô vẫn làm nghề đan mây tre nhưng 2 người con trai đã đi làm thuê xa do thu nhập từ mây tre đan không cao. Mỗi gia đình ở thôn Triệu Xá không làm bao gồm nhiều loại sản phẩm mà mỗi gia đình chỉ sản xuất chuyên môn 1 hoặc 2 sản phẩm. Nhà bác Đường chỉ sản xuất rá, nhà cô Phục sản xuất mủng và nia.

Hiện nay, trong làng đa số sản xuất các sản phẩm từ tre do giá mây cao. Làng nghề mây tre đan đang được quan tâm hơn để phát triển với những chính sách hỗ trợ vay vốn của nhà nước.

2.2.3.3 Những sản phẩm truyền thống

Sản phẩm truyền thống của làng là các sản phẩm thiết yếu dùng trong sinh hoạt sản xuất hàng ngày như: thúng, mủng, nong, nia, rổ, rá...

2.2.3.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất

Tổ chức quản lý.

Năm 2003 sở công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp làng nghề tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phúc giai đoạn 2005 – 2010, được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2943/ QĐ-UB ngày 02/07/2003. Theo quy hoạch đã được phê duyệt thì đến năm 2010 sẽ hình thành 28 cụm tiểu thủ công nghiệp, trong đó có làng nghề mây tre đan Triệu Đề.

Quy trình sản xuất.

Quy trình sản xuất bao gồm 3 công đoạn.

Công đoạn thứ nhất: Chọn nguyên liệu

Với mỗi loại sản phẩm khác nhau có cách chọn nguyên liệu khác nhau. Bác Đường cho biết: Với nguyên liệu làm rá thì phải chọn tre mai (loại tre có đốt dài hơn tre thường), tre phải già, tươi. Sau khi chặt tre ra từng đốt phải phơi cho tre se se bớt hơi nước khoảng 30 phút. Còn với nguyên liệu làm mủng và nia thì cô Phục cho biết : Nếu mua được tre tươi thường và già là tốt

nhất, sau đó chẻ nan to khoảng từ 1 - 1,5 cm, tùy theo vật dụng cần làm mà nan tre có độ dài, ngắn là khác nhau. Nếu mua tre khô thì phải ngâm rồi mới tiến hành đan được.

Công đoạn thứ hai: Chế tác sản phẩm.

Sau khi đã làm xong công đoạn chọn nguyên liệu, những người thợ thủ công tiến hành đan bước đầu: Đan phần đáy và thân sản phẩm.

Với rá thì sử dụng phương pháp đan nong một, nghĩa là một nan lên một nan xuống. Với mủng lại sử dụng phương pháp đan nong tứ, tức là cất 2 nan, rồi cất 4 nan sau đó đè 3 nan. Với cách đan này, đáy mủng sẽ có hoa văn là những hình thoi với kích thước nhỏ dần, đồng tâm tại đáy rất đẹp mắt.

Sau khi đan xong phần đáy và thân sẽ tiến hành hun khói nhằm phòng tránh mọt cắn trong quá trình sử dụng. Phương pháp hun được tiến hành như sau:

Trước tiên cần đào một hố sâu khoảng 0,5m, độ rộng tùy theo sản phẩm là rá hay nia mà hố có đường kính khác nhau. Sau đó dùng rá, rơm lót phía dưới cùng rồi nhóm lò, sau đó rắc một lớp châu nhằm tránh ngọn lửa to làm cháy phần phen tre đã đan phía trên. Tiếp theo là xếp các phen tre đã đan lên phía trên và cuối cùng là lớp bao tải chắn khói phía trên. Trong quá trình hun không được để không khí lọt vào trong lò, vì không khí lọt vào trong lò sẽ làm lửa cháy to, dẫn đến cháy phen. Và khi có khói màu xanh nghĩa là phen sắp cháy. Nếu tiến hành hun cẩn thận thì có thể đi làm đồng cả buổi rồi về ra lò cũng không sao.

Sau khi lấy phen ra khỏi lò, đợi phen tre nguội thì tiến hành làm cạp. Cạp rổ rá là cạp khung, được uốn và nẹp sẵn còn cạp của nia thì uốn tùy ý, tức là nia rộng tới đâu thì uốn đến đó chứ không làm khung trước.

Sau khi tra cạp, tiến hành cắt bớt các phần thừa và lứt cạp. Lứt cạp sử dụng mây được tước nhỏ hoặc dây nhựa công nghiệp. Dùng đầu sắt nhọn đục lỗ phần thân, dưới cạp rồi xoắn dây từ phần thân, vòng qua cạp rồi thắt nút. Cứ 1,5cm lại đục một lỗ và tiến hành tương tự cho đến hết vòng cạp là hoàn thành một sản phẩm.

Công đoạn hoàn thiện sản phẩm.

Sau khi hoàn thành, các sản phẩm được kiểm tra lại, đảm bảo độ bền chắc và không méo mó.

Hoạt động sản xuất.

Hiện nay, khi đến xã Triệu Đề đa số các hộ vẫn làm nghề này nhưng quy mô không đều. Tuy đã có dự án quy hoạch từ năm 2003 nhưng đến nay các hộ vẫn hoạt động sản xuất riêng lẻ, tự quản lý sản phẩm mình làm ra từ khâu lấy nguyên liệu tới khâu tìm đầu ra cho sản phẩm. Đa số các sản phẩm được bán ở chợ quê hoặc các hộ thu mua với số lượng lớn rồi mang đi các tỉnh khác.

Thu nhập từ nghề mây tre đan là chưa cao. Giá của mỗi chiếc rá nhỏ chỉ từ 3.000đ tới 5.000đ, mỗi đôi mủng có giá từ 16.000 – 20.000đồng. Với rá thì trung bình 5 sản phẩm/người/ngày, với mủng thì trung bình 2 sản phẩm/người/ ngày. Vậy thu nhập trung bình sẽ là 750.000- 1.000.000đồng/ tháng.

2.2.4 Làng rấn Vĩnh Sơn

2.2.4.1 Tổ nghề rấn Vĩnh Sơn

Xã Vĩnh Sơn nằm ở trung tâm thị trấn Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc và theo dân gian truyền lại còn có tên là Hai Nước. Người dân Vĩnh Sơn chủ yếu sinh sống bằng nghề nuôi rấn và làm ruộng. Khi tới làng Vĩnh Sơn hỏi về người đầu tiên nuôi rấn ở làng, mọi người đều chỉ tới nhà bác Học. Bác Học tên đầy đủ là Nguyễn Văn Học, là người đầu tiên nuôi rấn ở vùng này. Bác cho biết: Nghe mọi người kể lại là hơn 200 năm về trước ở làng Sơn Tang này có chục hộ rất nghèo nên phải sống bằng nghề bắt rấn để đổi lấy gạo. Về sau nhiều hộ cũng bắt rấn ngoài tự nhiên để ăn và bán nhưng không ai nuôi. Thấy được rằng nếu cứ bắt rấn mãi thì nguồn rấn sẽ cạn kiệt, hơn nữa mùa lạnh rấn sẽ trú đông, khó mà bắt được. Nghĩ vậy nên bác Học đã bắt rấn về và tổ chức nuôi rấn từ 30- 40 năm nay. Có thể coi bác Học là tổ nghề nuôi rấn ở đây .

2.2.4.2 Làng rấn Vĩnh Sơn xưa và nay

Lúc bắt đầu nuôi rấn, bác Học vấp phải sự phản đối rất lớn từ người dân và cũng là khó khăn ban đầu của nghề nuôi rấn ở đây. Vì người dân khi đó còn nghèo, họ bắt rấn để đổi gạo mà bác lại nuôi vì thế mà họ sợ rằng ít ai đổi gạo lấy rấn nữa. Hơn nữa, rấn là loài vật ít ai nuôi dưỡng và có tuyến độc, nhiều người đã bị rấn cắn chết do không biết cách xử lý kịp thời. Những năm 1978 -1979 rấn rất rẻ, một con rấn 1kg chỉ đổi được 2kg gạo. Hợp tác xã đã từng cung cấp miễn phí giống rấn và nguyên vật liệu xây chuồng cho 10 hộ gia đình. Để duy trì nghề chăn nuôi và chế biến rấn cổ truyền, bảo vệ sinh thái môi trường, năm 1979 được sự giúp đỡ của huyện uỷ, UBND huyện và trung tâm sinh lý hóa người và động vật Vĩnh Sơn đã khánh thành trung tâm nhân rấn giống gọi tắt là trại rấn Vĩnh Sơn. Trại rấn Vĩnh Sơn đi vào hoạt động là sự kết hợp giữa kinh nghiệm cổ truyền và tiến bộ khoa học kỹ thuật mới giúp nhân dân trong xã nâng cao hiệu quả trong công việc chăn nuôi rấn. Được sự giúp đỡ của các nhà khoa học, trại rấn đã phát huy được hiệu quả, sản xuất được những sản phẩm có giá trị như: chăn nuôi thành công rấn sinh sản, tạo được con giống tại chỗ không phải mua qua sấn bắt, rấn thương phẩm phát triển tốt, chế biến được nhiều sản phẩm từ rấn thương phẩm như chế biến rượu rấn cổ truyền, cao rấn... sản phẩm rấn cổ truyền của Vĩnh Sơn đã từng tham gia hội trợ Giảng Võ năm 1981 và 1982, đã được tặng huy chương bạc.

Những năm gần đây, nhà nước có chủ trương duy trì phát triển làng nghề, nhân dân trong xã được hỗ trợ trong chăn nuôi rấn, thông qua các hình thức vay ưu đãi, được chi cục kiểm lâm tỉnh tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho quá trình vận chuyển rấn đến nơi tiêu thụ. Nghề nuôi rấn ở Vĩnh Sơn ngày càng phát triển với quy mô đa dạng và nhiều hình thức đan xen. Xã đã thành lập hội nuôi rấn, giúp bà con trao đổi kinh nghiệm về vốn và con giống, cùng bảo vệ lợi ích của người nuôi rấn và của làng nghề.

Với quyết tâm duy trì và phát triển làng nghề, xã đã đưa ra mục tiêu cụ thể cho kế hoạch đến năm 2008 là:

Quy hoạch làng nghề thành 2 phân khu chính: khu thứ nhất dành cho nuôi rắn sinh sản và rắn thương phẩm, khu thứ hai dành cho giới thiệu sản phẩm và bán các sản phẩm từ rắn.

Giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng trên 10ha đất dành cho các cơ sở chăn nuôi rắn.

Tăng cường giới thiệu, quảng bá sản phẩm từ rắn với các thị trường trong và ngoài nước.

Đề nghị nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư, nâng cấp trại rắn Vĩnh Sơn thành trung tâm nhân rắn giống và thử nghiệm nghiên cứu đặc tính của con rắn.

2.2.4.3 Những sản phẩm truyền thống

Với sự cần cù, thông minh người dân Vĩnh Sơn đã tạo ra các sản phẩm truyền thống có giá trị kinh tế cao như: rượu rắn dùng để chữa bệnh, nâng cao sức khỏe; cao rắn dùng để chữa các bệnh về khớp, xương... các sản phẩm có giá trị xuất khẩu lớn do có chất lượng tốt sang thị trường các nước lớn như Trung Quốc...

2.2.4.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất

Tổ chức quản lý:

Năm 2003 sở công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc lập quy hoạch phát triển cụm công nghiệp làng nghề tiểu thủ công nghiệp Vĩnh Phúc giai đoạn 2005 - 2010, được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 2943/ QĐ-UB ngày 02/07/2003. Theo quy hoạch đã được phê duyệt thì đến năm 2010 sẽ hình thành 28 cụm tiểu thủ công nghiệp, trong đó có làng nghề rắn Vĩnh Sơn.

Năm 2006, UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch 20,87ha đất làm khu vực chăn nuôi, sản xuất chế biến sản phẩm rắn.

Với kinh nghiệm truyền thống, sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền và toàn thể nhân dân xã Vĩnh Sơn, sự giúp đỡ của các đồng chí lãnh đạo, cán bộ chức năng của huyện, tỉnh và cả trung ương. Sau thời gian rà soát, thẩm định, hội đồng xét duyệt cấp tỉnh trình UBND tỉnh và ngày 24/11/2006

chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ký quyết định số 3120/QĐ-UBND về công nhận làng nghề rần Vĩnh Sơn là làng nghề truyền thống.

Quy trình sản xuất:

Rượu rần: theo bác Học cho biết, cách làm rượu rần được tiến hành như sau: Đầu tiên là chọn loại rần dung để ngâm rượu, rần càng to thì càng tốt. Có nhiều loại: Tam xà thì gồm 3 con, trong đó có 2 con là loại rần độc (hổ mang, khoang vàng) và 1 con rần không độc (hổ trâu); Ngũ xà thì gồm 5 con, trong đó có 3 con độc và 2 con lành...

Sau khi chọn được loại rần thích hợp thì tiến hành làm rần: Nhúng rần vào nước sôi 70⁰C, đánh vảy sùng, rạch 15cm ở phần bụng và cứ cách 15cm lại rạch một đoạn, lấy hết phần ruột và nội tạng bên trong, lấy giấy thấm hết tiết, sau đó cho hỗn hợp rượu và gừng vào rửa sạch bên trong khoang bụng. Tiếp theo cho rần vào bình và tưới rượu ngập rần. Chú ý đánh bỏ răng của rần để tránh trong quá trình làm rần rần cứa vào tay.

Cao rần: cách làm rần tương tự với làm rần ngâm rượu. Nhưng có 2 cách nấu cao.

Nấu cao toàn tính (tức là chỉ sử dụng rần, không dùng thảo dược khác). Rần sau khi được làm sạch, cho vào nồi, đổ ngập nước, ninh trong 3 ngày 3 đêm. Sau mỗi ngày, lượng nước cạn chỉ còn 1/8 thì rót lượng nước đó ra và lại cho vào nồi lượng nước như ban đầu. Lượng nước cốt đó cần được giữ ấm chò trong 3 ngày nếu không sẽ bị thiu. Sau 3 ngày thì tổng hợp lượng nước cốt thu được mang nấu nhỏ lửa, khuấy đều tay cho đến khi cô lại như mật loãng. Sau đó chuyển sang giai đoạn nấu cách thủy (nấu bằng hơi nước) hoặc nấu cách nhiệt (dùng bếp đã được rắc cát phía trên để tránh lửa to). Nấu đến khi nước cốt quệt ngang có màu nâu là được, để nguội cắt miếng và đóng gói.

Nấu cao dược liệu (nấu cùng các loại dược liệu khác). Cách làm rần tương tự như trên. Trong khi nấu phải sử dụng 2 chiếc nồi, một dùng nấu rần, một dùng nấu thảo dược. Sau khi ninh 3 ngày, lấy lượng nước cốt từ 2 nồi trộn vào nhau và tiến hành nấu cao như nấu cao toàn tính.

Thịt rắn: chế biến rắn thành những món ăn khác nhau.

Cách làm: Buộc cổ rắn, nhúng rắn vào nước sôi, đánh bỏ vảy, sau đó cắt cổ, nhằm loại bỏ chất độc của rắn, hứng lấy tiết. Tiếp theo mổ bụng như làm rắn ngâm rượu, moi ruột, rửa sạch và cắt khúc.

Thịt rắn có nhiều cách chế biến: tiết rắn có thể pha với rượu hoặc nước dứa dùng để uống; mật rắn cũng có thể dùng pha rượu rất tốt; da rắn được đánh vảy sạch, thái nhỏ và xào với mộc nhĩ, nấm hương; xương sườn rắn xào giòn; thịt rắn thái chỉ xào mềm; phần xương sống có thể nấu canh với hạt sen, kì tử... hoặc nấu cháo bột cùng thuốc bắc cũng rất ngon và bổ.

Hoạt động sản xuất.

Hiện nay do việc quy hoạch làng nghề chưa hoàn thành, nguyên nhân chủ yếu theo bác Học cho biết là việc đền bù giải phóng mặt bằng chưa được dân đồng ý. Vì vậy mà giờ đây rắn vẫn được nuôi theo hộ gia đình. Hiện nay ở Vĩnh Sơn có khoảng 70% số hộ gia đình nuôi rắn, chủ yếu là nuôi rắn hổ mang. Rắn có nhiều hạng, được chia theo khối lượng :

Hạng 1: rắn từ 1,6 kg trở lên, có thể bán với giá 300.000 - 600.000 đồng/ kg

Hạng 2: rắn từ 1- 1,5 kg có thể bán với giá 450.000 đồng/ kg.

Hạng 3: rắn dưới 1kg giá rẻ hơn.

Rắn sơ sinh khoảng 2 hoặc 3 lạng có thể bán với giá từ 100.000 - 150.000 đồng/ con.

Việc nuôi rắn phát triển không đều, tùy theo thị trường tiêu thụ mà giá và số hộ nuôi có thể tăng hoặc giảm. Hiện nay số hộ nuôi nhiều nên giá rắn giảm và khó bán hơn trước, thức ăn cho rắn cũng khan hiếm và đắt hơn, có khi lên tới 40.000đồng/ kg cóc, nhái. Nếu năm tiêu thụ được nhiều thì có thể thu lãi hàng trăm triệu đồng một năm, nhưng có năm chỉ hoà vốn. Tuy nhiên thì nghề nuôi rắn cũng đã mang lại diện mạo mới cho Vĩnh Sơn, kinh tế phát triển với làng nghề độc đáo trong tay.

2.3 Hoạt động du lịch tại các làng nghề ở Vĩnh Phúc

2.3.1 Du lịch Vĩnh Phúc

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Du lịch Vĩnh Phúc đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng, tiềm năng du lịch đang được khai thác có hiệu quả hơn, doanh thu du lịch năm sau cao hơn năm trước, cơ sở lưu trú du lịch từng bước được nâng cao chất lượng, dịch vụ du lịch ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu ngày càng phong phú của du khách. Cuối năm 2005 số khách sạn, nhà nghỉ trên địa bàn tỉnh là 85 cơ sở với 1.300 phòng nghỉ, năm 2007 đã tăng lên gần 130 cơ sở và đến nay, trên địa bàn tỉnh có 19 khách sạn đạt tiêu chuẩn 1 đến 2 sao, một số khách sạn được đầu tư nâng cấp với trang thiết bị hiện đại.

Hoạt động du lịch có nhiều chuyển biến tích cực, nhờ đó từ năm 2005 đến nay doanh thu du lịch xã hội tăng bình quân đạt từ 12% - 15%/ năm. Năm 2005 doanh thu du lịch xã hội trên toàn tỉnh đạt 367 tỷ đồng. Năm 2007 ngành du lịch Vĩnh Phúc đón được 1.295.000 lượt khách, trong đó khách quốc tế gần 33.000 lượt, doanh thu du lịch đạt 525 tỷ đồng. Trong 8 tháng đầu năm 2008 theo số liệu ước tính đón được khoảng 1.121.600 lượt khách, doanh thu du lịch đạt 529 tỷ đồng.

Hoạt động lữ hành ở Vĩnh Phúc thời gian gần đây đã có những chuyển biến tích cực, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành từng bước chủ động tìm kiếm nguồn khách, mở rộng thị trường, tổ chức được nhiều đoàn khách đi du lịch trong và ngoài nước, trở thành đối tác trực tiếp của doanh nghiệp lữ hành quốc tế.

Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Công tác quy hoạch, đầu tư, kế hoạch: Sở Du lịch đã xây dựng kế hoạch phát triển ngành thông qua “Đề án phát triển du lịch Vĩnh Phúc giai đoạn 2007 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”. Xây dựng các kế hoạch phát triển hệ thống khách sạn, lữ hành; kế hoạch xúc tiến du lịch; kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực. Tiếp tục triển khai dự án “ Quy hoạch tổng thể phát triển

du lịch Vĩnh Phúc giai đoạn 2006 - 2010 và tầm nhìn 2015” và “Quy hoạch bảo tồn vườn cò Hải Lựu, Lập Thạch”. Trong công tác đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, đang thực hiện 3 dự án chuyên tiếp từ năm 2006. Ban quản lý các dự án chuyên ngành du lịch của Sở tích cực giám sát, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành để đưa vào sử dụng theo đúng kế hoạch. Tích cực chuẩn bị cho việc thành lập Hiệp hội Du lịch Vĩnh Phúc, nhằm tạo đà cho các đơn vị kinh doanh du lịch cùng phối hợp hoạt động có hiệu quả trong một môi trường kinh doanh lành mạnh.

Kết quả hoạt động kinh doanh lữ hành: Với sự phối hợp quản lý chặt chẽ của phòng chuyên môn về lĩnh vực lữ hành của Sở Du lịch cùng các đơn vị kinh doanh đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động, chủ động tìm nguồn khách và tăng cường tiếp thị hình ảnh của mình nhằm thúc đẩy lượng khách mua các chương trình du lịch của mình và thu hút họ đến tham quan, nghỉ dưỡng. Tổng số lượt khách đến Vĩnh Phúc trong 5 tháng qua là 3024 lượt người, doanh thu từ hoạt động lữ hành đạt 1.253 triệu đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động lữ hành nội địa là 551,9 triệu đồng, lữ hành quốc tế là 701,1 triệu đồng.

Kết quả hoạt động kinh doanh lưu trú: Với phương châm không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ, bắt đầu vào năm 2007, các đơn vị, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú không ngừng tập trung đầu tư mở rộng quy mô, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ...góp phần tích cực vào việc cải thiện về số lượng cũng như chất lượng dịch vụ. Tính đến ngày 30/06/2008 toàn tỉnh có gần 130 cơ sở lưu trú du lịch với 2170 phòng. Trong đó có 16 khách sạn đạt tiêu chuẩn 2 sao và 3 khách sạn 1sao. Tổng doanh thu du lịch - khách sạn, nhà hàng ước tính đạt 270 tỷ đồng, tăng 59% so với cùng kỳ năm 2006, đạt 58,1% kế hoạch cả năm 2008.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các cơ sở lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch trên địa

bàn tính; thanh tra kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất nhằm phát hiện những sai phạm để kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở các đơn vị thực hiện đúng những quy định của pháp luật cũng như của ngành nhằm tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh. Trong 6 tháng đầu năm 2008, Đoàn thanh tra của Sở đã tiến hành thanh tra trên 45 đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực lưu trú du lịch, lữ hành. Phối hợp với đoàn kiểm tra Tổng cục du lịch kiểm tra việc thực hiện vệ sinh môi trường ở các khu du lịch; tham gia đoàn kiểm tra liên ngành huyện Tam Đảo; kiểm tra công tác vệ sinh môi trường, thu phí, tình hình an ninh trật tự tại khu danh thắng Tây Thiên.

Hoạt động Thông tin - xúc tiến du lịch: Nhằm cập nhật thông tin cho các ngành, các doanh nghiệp, các địa phương; tăng cường công tác quảng bá hình ảnh du lịch Vĩnh Phúc ở trong và ngoài nước, xâm nhập và mở rộng thị trường nên ngay sau khi được thành lập Trung tâm Thông tin - xúc tiến du lịch Vĩnh Phúc đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động và thu được những kết quả đáng khích lệ. Trung tâm đã biên soạn và phát hành 5 bản tin “ Du lịch Vĩnh Phúc”; tham gia Hội chợ du lịch tại Sầm Sơn - Thanh Hoá, cùng đoàn cán bộ tỉnh sang công tác tại Malaysia để kêu gọi đầu tư vào khu du lịch Tam Đảo II, phối hợp cùng đoàn làm phim VTV1 và VTV4 của đài truyền hình Việt Nam thực hiện chương trình giới thiệu hình ảnh du lịch Vĩnh Phúc; in ấn và phát hành sách, tờ rơi, tập gấp, làm biển quảng cáo tấm lớn về du lịch tỉnh nhà.

Công tác tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ: Hoạt động của Sở du lịch Vĩnh Phúc đã đi vào ổn định sau hơn 1 năm thành lập. Các đơn vị trực thuộc đã được phân cấp quản lý theo quy định. Các phòng ban và cán bộ công chức được phân công công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Sở đã đề bạt và bổ nhiệm một số đồng chí lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tham gia các khoá đào tạo tại chức, lớp tiền công vụ; phối hợp với trường Cao đẳng Du Lịch Hà Nội mở lớp nghiệp vụ bù đắp cho cán bộ và nhân viên của các đơn vị kinh doanh lưu trú du lịch trên địa bàn; tổ chức một đoàn gồm

cán bộ và nhân viên của các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú đi tham quan một số khách sạn từ 3 đến 4 sao tại Hà Nội để học hỏi kinh nghiệm quản lý cũng như kinh doanh của họ.

Có thể nói, du lịch Vĩnh Phúc đã và đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, góp phần quảng bá hình ảnh về đất và người Vĩnh Phúc tới bạn bè trong nước và quốc tế.

Tuy nhiên, du lịch Vĩnh Phúc vẫn còn tồn tại một số hạn chế, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của địa phương, nguồn tài nguyên du lịch khai thác, sử dụng thiếu hợp lý. Công tác quản lý, quy hoạch còn bất cập, đầu tư cho phát triển hạ tầng du lịch bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước còn thấp so với nhu cầu. Thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch chưa tạo được bước đột phá, chưa thu hút được các dự án lớn; doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh chủ yếu là quy mô vừa và nhỏ, năng lực cạnh tranh còn thấp. Chất lượng nguồn nhân lực du lịch “vừa thiếu vừa yếu” (thiếu về số lượng và yếu về chất lượng), thiếu tính chuyên nghiệp, nhất là đội ngũ hướng dẫn viên du lịch đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ...

Các giải pháp chung nhằm phát triển du lịch Vĩnh Phúc trở thành ngành kinh tế mũi nhọn: Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là một đòi hỏi của thực tiễn khách quan, để thúc đẩy du lịch phát triển nhanh và bền vững cần thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển du lịch giai đoạn từ nay đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2035 trên nguyên tắc phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của ngành Du lịch Việt Nam, kết hợp với nghiên cứu quy hoạch của các địa phương trong vùng. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, cần xây dựng quy hoạch chi tiết đối với từng khu, điểm du lịch để thống nhất quản lý quy hoạch, đảm bảo sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch, nhất là nguồn tài nguyên tự nhiên - tài sản vô giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho Vĩnh Phúc.

Thứ hai, tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch. Tích cực tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực du lịch để các cấp, các ngành, từng doanh nghiệp và người dân hiểu được vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Từ đó, giúp các doanh nghiệp định hướng đầu tư phù hợp với quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn và quy hoạch của nhà nước trong lĩnh vực du lịch.

Thứ ba, Nhà nước và doanh nghiệp cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực du lịch. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch tại địa phương; các doanh nghiệp chủ động, tích cực tham gia và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ cho cán bộ, nhân viên của mình. Đây là giải pháp vừa đáp ứng nhu cầu trước mắt, vừa hướng tới thực hiện mục tiêu tạo ra nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao trong tương lai, đáp ứng đòi hỏi phát triển du lịch thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch. Các doanh nghiệp du lịch cần xây dựng một chiến lược rõ ràng, xác định lộ trình và bước đi hợp lý, phù hợp với điều kiện, năng lực của mình. Vận dụng sáng tạo kinh nghiệm quản lý, kinh doanh của các doanh nghiệp và hãng du lịch lớn trong nước, khu vực và thế giới để từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh. Chủ động liên kết hợp tác nâng cao năng lực cạnh tranh trên thương trường.

Thứ năm, từng bước thực hiện hoá và nâng cao hiệu quả hợp tác du lịch giữa Vĩnh Phúc với các địa phương trong vùng có thể mạnh để phát triển du lịch. Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của các bên tham gia hợp tác, nhất là đối với hoạt động lữ hành.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta, để sớm đưa du lịch Vĩnh Phúc trở thành ngành kinh tế mũi nhọn cần có sự quan tâm của các cấp, các ngành, các doanh

ngiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và của cộng đồng dân cư, có như vậy mới tạo nên sức mạng của cả hệ thống chính trị địa phương, cùng chung sức, chung lòng thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung và kinh tế du lịch nói riêng.

2.3.2 Các tour du lịch làng nghề ở Vĩnh Phúc

Du lịch làng nghề tại Vĩnh Phúc đã có và phát triển cùng với sự phát triển của ngành du lịch Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, các làng nghề chỉ là điểm du lịch đan xen trong các chương trình du lịch. Đó là các tour:

Tour : Vĩnh Yên - cụm đình Tam Canh - làng gốm Hương Canh.

Thời gian: 2 ngày 1 đêm.

Phương tiện: Ô tô.

Các điểm tham quan: đình Hương Canh, đình Ngọc Canh, đình Tiên Hường, làng gốm Hương Canh.

Tour: Vĩnh Yên - tháp Bình Sơn - đền thờ Tả Tướng Quốc Trần Nguyên Hãn - làng đục đá Hải Lựu.

Thời gian: 2 ngày 1 đêm.

Phương tiện: Ô tô.

Các điểm tham quan: tháp Bình Sơn, đền thờ Tả Tướng Quốc, làng đục đá Hải Lựu.

Tour: Vĩnh Yên - đầm Dung - làng rấn Vĩnh Sơn - đình Thổ Tang - làng mộc Bích Chu.

Thời gian: 2 ngày 1 đêm.

Phương tiện: Ô tô.

Các điểm tham quan: Đầm Dung, làng rấn Vĩnh Sơn, đình Thổ Tang, làng mộc Bích Chu.

Theo Trung tâm thương mại khách sạn, dịch vụ du lịch Trung Vương cho biết thì các tour du lịch trên bán được với số lượng không nhiều, số lượng khách chủ yếu là khách du lịch nước ngoài có nhu cầu thoả mãn sự tò mò và đi lẻ chứ không đi theo đoàn. Còn đa số các tour được ưa chuộng lại tập trung

vào các khu nghỉ mát, có cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ như Tam Đảo, hồ Đại Lải, Tây Thiên....

Nguyên nhân:

Nguyên nhân thứ nhất là: Do hình ảnh các làng nghề trên các phương tiện thông tin chưa được quảng bá rộng khắp. Chỉ những người có nhu cầu mới quan tâm cho nên lượng khách du lịch tới các làng nghề vẫn rất ít.

Nguyên nhân thứ hai là: Do môi trường làng nghề hiện nay đang bị ô nhiễm nghiêm trọng, khách du lịch luôn muốn tới những nơi có khí hậu trong lành, không ảnh hưởng tới sức khỏe trong quá trình đi du lịch, vì vậy mà các làng nghề chưa được coi là điểm đến lý tưởng cho sức khỏe.

Nguyên nhân thứ ba là: Các làng nghề do chưa được quy hoạch thành cụm làng nghề cho nên việc tham quan tìm hiểu gặp nhiều khó khăn; việc tổ chức cho du khách tận mắt chứng kiến các hoạt động sản xuất là khó thực hiện.

Nguyên nhân thứ tư là: Thời gian dành cho mỗi tour là từ 1 đến 2 ngày là không đủ cho du khách trải nghiệm và có cơ hội chứng kiến quá trình sản xuất sản phẩm, không có cơ hội cho du khách tự tay thử làm một sản phẩm cho riêng mình. Vì vậy mà du lịch làng nghề chưa thu hút và hấp dẫn được nhiều du khách.

Nguyên nhân thứ năm là: Theo ý kiến thu được sau mỗi chuyến đưa du khách về với làng nghề, công ty du lịch và khách sạn Vĩnh Phúc cho biết: khách du lịch gặp khó khăn trong việc tham quan làng nghề do không có hướng dẫn viên tại điểm du lịch hoặc các thông tin hướng dẫn cụ thể khi đến thăm làng nghề. Hơn thế nữa, tại các làng nghề, các dịch vụ phục vụ hoạt động du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của du khách. Đặc biệt là hệ thống khách sạn nhà hàng không có mà chỉ có vài quán ăn và nhà nghỉ với quy mô nhỏ.

Nếu khắc phục được những hạn chế trên thì du lịch làng nghề sẽ nhanh chóng phát triển.

*** Tiểu kết chương 2**

Vĩnh Phúc với các làng nghề truyền thống mang đậm bản sắc văn hoá với hệ thống các di tích lịch sử, đình, chùa, đã trở thành những tài nguyên du lịch vô cùng quý giá, phục vụ cho sự phát triển du lịch tại Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, hoạt động du lịch làng nghề ở Vĩnh Phúc còn nhiều hạn chế, chưa mang tính chuyên nghiệp, chưa hình thành loại hình du lịch đặc trưng cho làng nghề mà chỉ đan xen các làng nghề trong tuyến du lịch.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của tỉnh uỷ, chính quyền địa phương các cấp, các ngành liên quan mà các làng nghề đã có những khởi sắc đáng mừng, các làng nghề Vĩnh Phúc đã có chỗ đứng trong các làng nghề truyền thống của Việt Nam. Và những tuyến du lịch về với làng nghề ngày càng nhiều hơn. Trong tương lai không xa, các làng nghề truyền thống của Vĩnh Phúc sẽ được nhiều nơi biết đến và trở thành loại hình du lịch hấp dẫn tại Vĩnh Phúc.

Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ LÀM TĂNG SỨC HẤP DẪN CHO DU LỊCH LÀNG NGHỀ VĨNH PHÚC

3.1 Những vấn đề đặt ra

Tuy có những tiềm năng để phát triển nhưng các làng nghề truyền thống Vĩnh Phúc vẫn gặp phải một số khó khăn về:

3.1.1 Nguồn nguyên, nhiên liệu, loại hình sản phẩm

Nghề gốm Hương Canh: nguồn nguyên nhiên liệu làm gốm Hương Canh có rất nhiều, trữ lượng đất sét ở hai bên Đầm Vạc và Quất Lưu có tổng trữ lượng lên tới 15.734.000 m³ là loại đất sét có nhiều điều kiện khai thác tốt, trữ lượng đủ để sản xuất cho nhiều năm (nếu mỗi năm tiêu thụ 15.000m³ thì trữ lượng trên cho phép ta sản xuất trên 1000 năm). Đất sét Hương Canh có nhiều đặc tính tốt thích hợp cho việc làm gốm sành. Chính những đặc tính đó dưới bàn tay tài hoa của những người nghệ nhân đã tạo nên những sản phẩm gốm Hương Canh nổi tiếng. Với màu gan gà bình dị mà quý phái, với sự kết khối vững chắc hơn sắt thép sau khi nung làm cho sản phẩm gốm chịu được mọi điều kiện phá hoại của môi trường.

Một số chỉ tiêu của đất sét Hương Canh sau khi được thử nghiệm :

Thành phần hạt nhỏ nhất < 0,005mm, bình quân chiếm 30%, nếu sử dụng đến cỡ hạt 0,25mm thì đạt 70% và chỉ số dẻo tăng lên từ 20 -30% rất thuận lợi cho tạo hình sản phẩm .

Thành phần hoá học:

SiO₂ = 68% bình quân

AlO₃ = 18% bình quân

FeO₃ = 7,6% bình quân

Tỷ lệ co rút

Co rút không khí: 9% bình quân

Co rút nhiệt độ: 1200 độ C bình quân

Tổng co rút < 17% , tỷ lệ này là nguyên liệu dùng cho tạo hình chuốt tay, nếu tạo hình bằng phương pháp đổ rót < 20%.

Màu sắc sau khi nung từ màu da cam chuyển sang màu nâu, tím, nâu đen. Các màu tùy thuộc vào nhiệt độ nung. Nhiệt độ nung càng thấp thì màu càng sáng, nhiệt độ nung càng cao thì màu càng sẫm. Những tính chất trên rất thuận lợi cho làm gốm mỹ thuật, mỹ nghệ , gốm dân dụng.

Các loại đất sét chỉ cách nơi sản xuất 500 - 2000m, điều kiện thuận lợi vì vậy giá thành rất rẻ, khoảng 50.000đồng/ tấn. Tuy nhiên, diện tích đất dành cho việc sản xuất ngày càng bị thu hẹp do những dự án xây dựng dành cho các khu công nghiệp tăng lên.

Nghề đục đá Hải Lựu.

Nguồn nguyên liệu chủ yếu lấy ở núi Thét. Đây là khu vực có nguồn nguyên nhiên liệu dồi dào, lại gần khu vực sản xuất vì thế rất thuận lợi. Với mỗi sản phẩm trị giá 5.000.000đồng thì mua đá và vận chuyển tính ra mất 1.000.000đồng. Đá ở đây có nhiều loại với nhiều màu sắc khác nhau : đá xanh, đá xám, với nhiều màu sắc như trắng ngà, gan gà, da cóc...mỗi năm ở đây khai thác hàng ngàn m³ khối đá ở dạng nguyên liệu. Người dân ở đây rất quý đá, từ tảng to tới viên nhỏ vì đá gắn liền với cuộc sống của họ từ bao đời nay. Đá Hải Lựu được sử dụng rất nhiều trong xây dựng nhà, sân chơi trâu, đắp kè đê... Vì vậy mà đá được khai thác có kế hoạch, phát huy hiệu quả sử dụng cao, tránh lãng phí trong sản xuất. Nhưng hiện nay việc khai thác đá thô xuất khẩu ngày càng nhiều mà giá trị lại không cao. Vì vậy mà cần kiểm soát các hoạt động khai thác để sử dụng sao cho hợp lý.

Nghề mây tre đan Triệu Đề.

Nghề mây tre đan chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu tại chỗ. Đến với Triệu Đề đâu đâu cũng thấy tre. Nếu nhà nào không đủ sẽ đi mua ở các xã, huyện bên cạnh. Tính ra mỗi cái mùng bán được 10.000đồng thì tiền nguyên liệu mất 3.000đồng. Tre ở Triệu Đề xanh, dẻo dai rất thích hợp cho nghề mây tre đan.

Nghề rấn Vĩnh Sơn:

Theo bác Học cho biết: rấn giống chủ yếu là do nhà tự nuôi. Tức là do rấn bố mẹ sinh ra chứ không đi mua. Rấn mẹ mỗi năm đẻ một lứa khoảng 20 - 25 trứng và ấp, tỷ lệ nở là 90 - 99%. Như vậy là nguồn rấn giống luôn luôn được đảm bảo là thuần chủng, không hỗn tạp. Rấn sơ sinh được nuôi chung cho đến khi được 2, 3 lạng thì nhốt riêng từng ô.

Về loại hình sản phẩm.

Nghề gốm: Ngoài những sản phẩm dân dụng truyền thống như chum, vại, lọ hoa...loại hình sản phẩm gốm ngày càng phong phú và đa dạng. Đã có gần 900 mặt hàng gốm trong đó có gần 400 mặt hàng gốm mỹ nghệ với 9 mặt hàng chính thức như: Nhóm lọ cắm hoa, nhóm đèn vườn, lọ treo tường, chậu trồng cây, ấm chén, tượng mỹ thuật, hàng đắp nặn, hàng xây dựng...

Nghề đục đá Hải Lựu: Ngoài sản phẩm truyền thống là cối đá ra thì còn nhiều loại hình sản phẩm khác mang tính nghệ thuật cao như: lư hương, hoành phi, cuốn thư, rồng đá, sư tử, chậu cây, cổng nhà, chó đá, đèn đá...nhưng các mặt hàng với kích thước nhỏ để phục vụ khách du lịch mua làm quà lưu niệm là chưa có.

Nghề mây tre đan: có thúng, mủng, nong, nia, rỏ, rá...và các sản phẩm khác như: giỏ quả, lẵng hoa...

Nghề rấn Vĩnh Sơn có 2 sản phẩm chính là rượu rấn và cao rấn. Nếu biết sử dụng da rấn vào sản xuất các mặt hàng như: ví da, túi xách cao cấp thì giá trị thu được từ rấn sẽ tăng gấp nhiều lần.

Khó khăn chung về nguyên liệu là giá cả nguyên liệu ngày càng tăng do giá cả thị trường các mặt hàng đều tăng. Hơn nữa, dù đa số sử dụng nguyên liệu có sẵn nhưng nguy cơ cạn kiệt nguyên liệu trong tương lai là khó tránh khỏi. Ngày nay, diện tích đất nông nghiệp giảm, đất xây dựng các khu công nghiệp ngày càng tăng, vì vậy nhiều nguồn nguyên nhiên liệu ít có khả năng phục hồi. Riêng nghề rấn ở Vĩnh Sơn thì gặp vấn đề khó khăn trong việc mua thức ăn cho rấn do lượng cóc nhái ngày càng ít đi, phải mua cóc từ Đà Nẵng

với giá khá cao, thấp là 25.000đồng/ kg. mà mỗi năm vào 5 tháng ăn chính của rắn có thể ăn hết 2 - 3 tấn. Như vậy là khó khăn hơn với người nuôi rắn.

Loại hình sản phẩm:

Ngoài gồm Hương Canh và đá Hải Lựu có nhiều loại hình sản phẩm ra thì các làng nghề nói chung ít loại hình sản phẩm như làng rắn Vĩnh Sơn chỉ có cao rắn và rượu rắn, làng nghề mây tre đan cũng chỉ có thúng, mùng, nia, rổ, rá...Điều này cũng là yếu tố ảnh hưởng tới việc tìm đầu ra cho sản phẩm.

3.1.2 Đầu ra cho sản phẩm

Các làng nghề đều nằm trên các tuyến đường giao thông thuận tiện tuy nhiên không phải làng nghề nào cũng có thể tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm có hiệu quả. Làng nghề Hương Canh nằm ngay trên quốc lộ 2 có điều kiện giao thông thuận tiện, là cửa ngõ của thủ đô Hà Nội, là đầu mối giao thông của các tỉnh phía Bắc với hệ thống giao thông đủ cả 3 loại hình giao thông là đường sắt, đường sông, đường bộ cho nên thuận lợi trong việc vận chuyển và giao dịch.

Gốm sành Hương Canh đã đi tới các tỉnh từ Bắc tới Nam. Những tỉnh hay đặt hàng thường xuyên là: Tuyên Quang, Quảng Ninh, Hà Nội và hiện nay gốm Hương Canh đã được xuất khẩu đi nhiều nước trên thế giới, nhất là Châu Âu và Châu Á.

Với sự sáng tạo của nghệ nhân ở Hương Canh, sản phẩm gốm ở Hương Canh rất được các nước trên thế giới ưa chuộng như: Anh, Pháp, Thụy Sĩ... và gần đây công ty TNHH của gia đình ông Nhạn đã kí một hợp đồng với khách hàng Hàn Quốc.

Gốm Hương Canh đang hướng sản phẩm của mình tới thị trường tiềm năng mới là cung cấp các sản phẩm cho những khu du lịch, khu nghỉ dưỡng...

Với sự phát triển nhanh chóng của làng gốm, giá trị sản xuất gốm của Hương Canh luôn tăng. Năm 2004 đạt thu nhập > 2 tỷ đồng, đến năm 2006 đạt 6 tỷ đồng, chiếm 85% thu nhập của cả làng. Nhờ hướng tới xuất khẩu mà gốm Hương Canh đã có những khởi sắc mới.

Còn các làng nghề đục đá, làng nghề rắn cũng là những mặt hàng xuất khẩu lớn sang Trung Quốc, Đài Loan... nhưng loại hình sản phẩm không đa dạng cho nên hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng. Trao đổi với chủ tịch xã Nguyễn Văn Quyết cho biết: Từ trước tới nay chưa một con rắn nào ở Vĩnh Sơn có thể đi ra nước ngoài bằng con đường chính ngạch. Thị trường tiêu thụ rắn thịt ở Vĩnh Sơn xưa nay chủ yếu là Trung Quốc, thế nhưng để sang được đất bạn, con rắn Vĩnh Sơn phải bò loằng ngoằng lắm. Đầu tiên, người dân bán cho các đầu nậu ở Lạng Sơn, Móng Cái (Quảng Ninh), các đầu nậu lại gom hàng cho các đầu nậu lớn hơn và sau đó mới có thể xuất sang Trung Quốc. Qua nhiều trung gian, người nuôi rắn Vĩnh Sơn ắt chịu thiệt thòi nhiều về giá. Bà Nguyễn Thị Sơn, một chủ hộ đang nuôi hơn 7.000 con rắn cho biết: Nhiều khi biết giá bên ấy lên đến 400.000 - 500.000 VND/kg rắn thịt nhưng chúng tôi vẫn phải bán với giá 230.000 VND. Mình không làm căng được bởi ôm hàng thêm một ngày mà chịu tiền cước vận chuyển rồi rắn bị chết thì còn thiệt hơn. Người nuôi rắn Vĩnh Sơn không bị lỗ nhưng rõ ràng họ chịu nhiều thiệt thòi do không thể xuất hàng trực tiếp sang Trung Quốc. Nhiều năm họ còn điêu đứng do bên ấy không nhập hàng hoặc nhập với giá quá bèo. Ấy thế mà người dân nơi đây vẫn chưa bao giờ nghĩ tới chuyện con rắn của mình sẽ được “nhập cảnh” sang nước ngoài một cách trực tiếp mà vẫn tạm bằng lòng với những gì mình đang có. Và làng nghề mây tre đan vẫn chỉ dừng lại ở thị trường là những phiên chợ quê do chưa có hướng phát triển đúng và chưa có sự đầu tư.

3.1.3 Bảo vệ môi trường làng nghề

Vấn đề môi trường làng nghề đang là vấn đề được quan tâm để giữ gìn và phát triển làng nghề. Làng gốm Hương Canh mỗi lò tiêu thụ hết 5 tạ củi, 400 viên than. Bình quân 1m^3 là than thải ra 62,34 kg xỉ, như vậy trung bình mỗi ngày cả xã thải ra môi trường hàng chục tấn xỉ than. Khí độc từ các lò nung gạch, lò ngói, lò gốm thải ra môi trường xung quanh làm ảnh hưởng tới sức

khỏe của người dân và cây trồng. Ngoài ra, mỗi ngày hàng chục lượt ô tô chở hàng ra vào liên tục khiến cho hệ thống giao thông xuống cấp nghiêm trọng.

Cũng như vậy với làng đá Hải Lưu, hàng ngày lượng bụi đá trong quá trình đục thải ra môi trường làm ảnh hưởng tới sức khỏe của thợ thủ công cũng như nhân dân trong vùng. Nhất là các bệnh về tai, mắt, họng và tuổi thọ của những người làm đá thường ngắn hơn người lao động bình thường khác là 10 tuổi.

3.1.4 Đào tạo nghệ nhân kế tục

Hiện nay Hương Canh có 4 hộ sản xuất gồm với 22 lao động trực tiếp tham gia, những nghệ nhân có tay nghề cao một phần tuổi đã cao.

Thợ kỹ thuật chuốt tổng số có 19 người, trong đó phân ra 3 lứa tuổi sau:

Từ 70 tuổi đến 93 tuổi: 8 người.

Từ 60 tuổi đến 69 tuổi: 3 người.

Từ 60 tuổi còn sức lao động: 8 người.

Thợ kỹ thuật vắn tổng số có 10 người.

Từ 70 tuổi đến 80 tuổi: 4 người.

Từ 60 tuổi đến 69 tuổi: 4 người.

Từ 60 tuổi còn sức lao động: 2 người.

Thợ kỹ thuật sửa ngoài trời (trang trí sản phẩm) có 8 người:

Từ 70 tuổi đến 75 tuổi: 4 người.

Từ 60 tuổi đến 69 tuổi: 1 người.

Từ 60 tuổi còn sức lao động: 3 người.

Thợ kỹ thuật đốt lò có 4 người đều ở độ tuổi 85 - 90 tuổi.

Nắm bắt được tình hình trên, Sở công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện công văn số 292/CN - TCHC ngày 18/10/2002 hỗ trợ cho thị trấn Hương Canh và hội làm gốm Hương Canh mở lớp “truyền nghề cho làng gốm Hương Canh”.

Sau một thời gian tuyển học viên (100% học viên là người Hương Canh) nhằm đào tạo những kiến thức cơ bản về nghề gốm cổ truyền, đã có 10 học

viên tốt nghiệp. Đây là những người nghệ nhân của làng gốm Hương Canh trong tương lai, họ sẽ tiếp nối truyền thống của cha ông, góp phần to lớn vào việc giữ gìn và phát triển nghề gốm Hương Canh.

Còn tại làng đá Hải Lựu hiện nay cũng có lớp đào tạo nghệ nhân đục đá với sự hỗ trợ của tỉnh Vĩnh Phúc. Học viên là người dân trong xã, chủ yếu là thanh niên và mời thầy từ làng đá Non Nước Ngũ Hành Sơn về trực tiếp giảng dạy. Nhờ vậy mà các sản phẩm làm ra có độ tinh xảo hơn và có giá trị cao hơn, quan trọng hơn là làng nghề đã có lực lượng kế tục trong tương lai.

Đa số các làng nghề đều truyền lại nghề theo cách “cha truyền con nối” cho nên dù không đào tạo thì trong tương lai những làng nghề này vẫn tồn tại với những bàn tay tài hoa vốn có.

Hiện nay vấn đề lớn nhất mà các làng nghề phải quan tâm chính là sự xuất hiện của các sản phẩm ngoại nhập, hiện đại và sự cạnh tranh của các làng cùng nghề ở các địa phương khác. Vì vậy mà cần phải có những giải pháp để phát triển làng nghề trong giai đoạn hiện nay.

3.2 Một số giải pháp, kiến nghị để khôi phục, phát triển các làng nghề ở Vĩnh Phúc

3.2.1 Một số giải pháp

Một số giải pháp đã được áp dụng trong việc khôi phục và phát triển làng nghề ở Vĩnh Phúc:

Để khôi phục và phát triển nghề thủ công truyền thống, trung tâm Khuyến Công và Tư vấn phát triển Doanh nghiệp Vĩnh Phúc đã xây dựng nhiều chương trình khôi phục và phát triển làng nghề theo hướng sản xuất thủ công mỹ nghệ và làm hàng xuất khẩu. Trung tâm đã mời các nghệ nhân ở làng nghề đan lát Khả Đào (Hà Nội) và làng nghề đan lát Ngọc Đồng (Hà Nam) về mở lớp dạy nghề mây tre đan xuất khẩu cho hơn 5.000 học viên thuộc những làng nghề truyền thống đan lát đang bị mai một ở xã Triệu Đề, Văn Quán...Sau một thời gian học nghề, các học viên đã làm nòng cốt cho việc khôi phục những làng nghề đan lát, từ sản xuất hàng tiêu thụ trong nước

đã chuyển sang làm hàng mây tre đan xuất khẩu sang các nước Bắc Âu, Bắc Mỹ, đem lại thu nhập cao.

Bên cạnh đó, sau thời gian học nghề từ những nghệ nhân làm đá mỹ nghệ đến từ Đà Nẵng, các thanh niên ở làng đá Hải Lựu có thể tự tay phá đá tạo hình thành những sản phẩm đá mỹ nghệ có chất lượng cao. Đến nay, làng nghề đá Hải Lựu được khôi phục với hơn 500 lao động. Hai công ty TNHH Thanh Sơn, Tiến Thành chuyên sản xuất đá mỹ nghệ phục vụ cho nhu cầu nội địa và xuất khẩu sang các nước, đem về cho làng đá Hải Lựu hàng trăm tỷ đồng/ năm.

Một số giải pháp cụ thể nhằm phát triển làng nghề, phục vụ cho hoạt động du lịch trong thời gian tới:

3.2.1.1 Các làng nghề phải liên kết với các công ty du lịch trên địa bàn tỉnh

Việc liên kết này nhằm giới thiệu, quảng bá các sản phẩm truyền thống cũng như các sản phẩm mới của làng nghề hiện nay. Các công ty du lịch sẽ cung cấp các thông tin, dịch vụ phục vụ du lịch tại làng nghề nhằm tạo được sự quan tâm từ phía du khách, thu hút khách bằng những dịch vụ mới lạ mà chỉ có những làng nghề mới có. Ví dụ như là việc cho du khách tự tay làm thử các sản phẩm thủ công... Cũng từ những thông tin này, các công ty du lịch sẽ xây dựng các tour du lịch, các chương trình du lịch về với làng nghề và giới thiệu với các đoàn khách, các thị trường du lịch tiềm năng.

3.2.1.2 Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù

Đó là việc phải tạo ra cái khác biệt của du lịch làng nghề với các loại hình du lịch khác. Ngoài việc hướng dẫn du khách tham quan, các nghệ nhân hãy giới thiệu từng bước để tạo ra một sản phẩm thủ công, vừa giới thiệu vừa tự tay làm ra các sản phẩm. Sau đó cho du khách tự tay làm theo các khâu đã được hướng dẫn nhưng mang theo sự sáng tạo cá nhân của du khách, như vậy sẽ tạo được sự thích thú đặc biệt và ấn tượng sâu sắc với làng nghề. Ngoài ra, các làng nghề có thể làm các sản phẩm với kích thước nhỏ nhưng càng tinh

xảo, càng độc đáo càng tốt vì du khách tới làng nghề luôn có nhu cầu mua quà lưu niệm mang theo hình ảnh làng nghề, như vậy vừa có thể bán sản phẩm tại chỗ với giá cao mà nguyên liệu bỏ ra ít hơn.

3.2.1.3 Tăng cường công tác giới thiệu các sản phẩm của các làng nghề

Đặc biệt là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo về mỹ thuật, tinh xảo về kỹ thuật tới du khách qua các phương tiện thông tin đại chúng. Tham gia các hội trợ thiện lành, qua các tạp chí du lịch, internet... Như vậy các làng nghề không chỉ được biết tới như một ngành kinh tế mà còn là một sản phẩm độc đáo của ngành du lịch.

Cần đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên là người địa phương để hướng dẫn du khách trong quá trình tham quan vì người dân địa phương là những người hiểu làng nghề của họ nhất nên họ sẽ là những người hướng dẫn viên tận tâm nhất.

3.2.1.4 Các công ty du lịch nên xây dựng các tour du lịch chuyên đề về các làng nghề

** Tuyến du lịch trung tâm thành phố Vĩnh Yên - làng gốm Hương Canh*

Thành phố Vĩnh Yên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của tỉnh. Nằm dọc 2 bên quốc lộ 2A, có diện tích khoảng 50km², dân số hơn 13 vạn người, được bố trí thành 9 đơn vị hành chính (7 phường và 2 xã). Là nơi có truyền thống văn hoá từ rất sớm, có nhiều danh thắng tiêu biểu và gần 100 di tích lịch sử văn hoá và các điểm tham quan nổi tiếng.

Làng gốm Hương Canh nằm cách thành phố Vĩnh Yên khoảng 7km, dọc theo quốc lộ 2A, cách Hà Nội khoảng 50km. Cụm đình Tam Canh gồm 3 đình: Hương Canh, Ngọc Canh và Tiên Hường. Đây cũng là tên của 3 làng thuộc thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên. Mỗi làng có một ngôi đình, song đều thờ 5 nhân vật lịch sử được phong “thần” là Ngô Xương Ngập (con trưởng của Ngô Quyền), Ngô Xương Văn (con thứ của Ngô Quyền), Đỗ Cảnh Thạc một tướng của Ngô Quyền), bà mẹ của Ngô Xương Văn là Linh Quang Thái Hậu và một ả nữ nương được phong là Thị Tàng công chúa. Có niên đại

cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII. Tổng thể mặt bằng ba ngôi đình bố cục kiểu chữ Vương. Cùng với kiến trúc hoành tráng bằng gỗ đồ sộ, cụm đình Tam Canh còn nổi tiếng về những trạm khắc trang trí độc đáo.

Đình Hương Canh.

Tất cả các đầu dư, hống cột, những phần thừa ra ở đình đều được biến thành những tác phẩm nghệ thuật. Những đầu kìm được trạm lộng sâu tới gang tay, những nét mác cong đều nhau vun vút. Những đầu hoành, đòn tay là những chú voi mập mạp như đang đứng đó cùng nhau khiêng đội mái đình.

Đặc biệt, những chạm trổ trên những bức cốn và ván gió mới thật tuyệt tác. Tất cả có 19 bức chạm lớn nhỏ ghép thành 6 mảng lớn trong đình. Đây là hình ảnh thu nhỏ của ngày hội làng, phản ánh được phần nào sinh hoạt của nhân dân thời Lê Trung Hưng.

Đình Ngọc Canh

Nội dung và nghệ thuật chạm trổ đình Ngọc Canh có những điểm khác đình Hương Canh. Nếu như đình Hương tả nhiều về ngày hội làng, những trò chơi đông người vui nhộn thì đình Ngọc thiên về đặc tả những người lao động, những thú vui hằng ngày ở nông thôn. Với bố cục chặt chẽ, hài hoà, đình Ngọc Canh là một tác phẩm hoàn hảo, có nội dung tư tưởng sâu sắc. Đặc sắc nhất là bức “dựng cột buồm” được chạm trên một đầu cột con ở gian cạnh, miêu tả cảnh đóng thuyền buồm của một hiệp thợ.

Đình Tiên Hường

Đình Tiên Hường ít miêu tả cảnh sinh hoạt của con người. Hầu hết là chạm các cảnh thiên nhiên và vật thờ như hoa sen, rùa, phượng, kinh nghệ...đặc biệt là hình rồng rất phổ biến và ở nhiều tư thế khác nhau: rồng hút nước, rồng cuốn cột, cá hoá rồng...

Bức chạm trổ tiêu biểu nhất là bức cửa võng. Ở đình Tiên Hường có 2 lần cửa trong và ngoài, mỗi lần lại có 3 ô cửa, trang trí bằng 7 lớp cá hoá rồng, mỗi con 1,5m dài suốt theo chiều cao của cửa, đàn cá ở cuối đang cong

lên để nhìn toàn bộ phần thân đã hoá rồng. Còn 3 ô cửa trong được trang trí đến 8 tầng, mỗi tầng là một con rồng hoàn chỉnh dài suốt theo cửa, thân rồng tua tủa những hình móc, đầu rồng ở phía dưới nhưng ngẩng lên, mồm há, mắt bôi đen trắng. Hai cột giữa chạm một đôi rồng to đang cuốn chặt vào cột. Trong toàn bộ 6 ô cửa vống là hơn một trăm con rồng nằm cùng một tư thế song song với nhau, với cả rừng cây móc trông rất uy nghi.

Bên trên cửa vống là bức ván gió chắn nổi lên tận trần, trang trí các hình rồng châu mặt trời, phượng cầm chữ Thọ và 4 chữ đại tự “Thánh cung vạn tuế”. Các hình rồng ở ván gió đều được thiếp vàng lóng lánh. Có thể nói, chạm trổ và trang trí ở cửa vống và án gian đình Tiên Hường là những kiệt tác độc đáo về điêu khắc gỗ dân gian Vĩnh Phúc thời Lê Trung Hưng.

Làng gốm Hương Canh

Làng gốm Hương Canh thuộc huyện Bình Xuyên, nằm ngay trên đường quốc lộ 2A. Nghề gốm ở đây có từ lâu đời. Có tương truyền, sau khi đánh bại Quận Hảo Nguyễn Danh Phương, triều đình thấy xóm làng xơ xác tiêu điều, dân chúng phiêu bạt, những người hồi cư không kế sinh nhai, ông Trịnh Xuân Biền đã giúp dân phục hồi sản xuất nông nghiệp và đem người đến dạy dân làm nghề cang chĩnh. Cuộc sống đi vào ổn định và khấm khá dần. Khi ông qua đời, dân làng thương tiếc, lập miếu thờ, tôn ông làm sư tổ nghề gốm.

Làng gốm Hương Canh chuyên làm vại, chĩnh, chậu, lọ, tiểu sành. Gốm Hương Canh xưa nay rất được ưa chuộng. Người ta bảo nhau “Sứ Móng Cái, vại Hương Canh”. Gốm Hương Canh chống được nước thấm thấu, ngăn được ánh sáng, giữ được bền hương vị nguyên chất của những thứ đựng bên trong. Gốm Hương Canh từng đi vào thơ Tố Hữu :

“Ai về mua vại Hương Canh

Ai lên mình gửi cho anh với nàng”.

Nếu như du khách tới đây vào những dịp đầu xuân, du khách còn được thưởng thức một số lễ hội cổ truyền đặc sắc ở đây vẫn được bảo tồn nguyên vẹn, đông vui tấp nập mỗi độ xuân về như : Kéo Song, đố chữ...

** Tuyến du lịch Vĩnh Yên - làng mây tre đan Triệu Đề - làng nghề đục đá Hải Lựu*

Lập Thạch là một vùng đất cổ có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, có bề dày văn hiến và nhiều phong tục cổ tốt đẹp của nền văn minh lúa nước. Là một huyện gần kề với đỉnh của đồng bằng châu thổ sông Hồng, tiếp giáp với kinh đô Văn Lang thời Hùng Vương, nơi các phong tục tín ngưỡng còn đậm sắc thái tinh thần của người Việt cổ. Lập Thạch còn nhiều tiềm ẩn để nghiên cứu, khám phá và khai thác đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch.

Cách trung tâm thành phố Vĩnh Yên khoảng 16km, cách thủ đô Hà Nội khoảng 75km, du khách đi theo quốc lộ 2A rẽ vào đường 305 tỉnh lộ Vĩnh Yên- Lập Thạch đến cầu Bến Gạo rồi rẽ trái để đến thăm một số địa điểm du lịch của huyện.

Làng nghề mây tre đan Triệu Xá - Triệu Đề

Triệu Xá thời Nguyễn là địa danh một xã thuộc Tổng Sơn Bình - huyện Lập Thạch, phủ Vĩnh Tường. Nay là thôn Triệu Xá, xã Triệu Đề. Triệu Xá có nhiều điểm tụ cư, xưa gọi là làng Kim, sau là làng Ngái, làng Bèo.

Các mặt hàng chủ yếu là những vật dụng trong gia đình : thúng, mủng, nia, rổ, rá... Các công cụ lao động nông nghiệp ở ngoài đồng ruộng có gầu tát nước như gầu dai, gầu sòng. Sản phẩm Triệu Xá có mặt ở thị trường gần khắp miền Tây bắc Bắc bộ, ngược lên các bản rừng sâu, vùng xa, các tỉnh như Yên Bái, Lào Cai, Sơn La...

Nghề đá Hải Lựu

Là một làng nghề tồn tại hàng trăm năm nay ở xã miền núi Hải Lựu - Lập Thạch. Để sản xuất ra những sản phẩm từ đá những người thợ đá phải lên tận đồng Trỏ, đồng Trăm của núi Thét mới lấy được những thớ đá không bị ròn, màu sắc đẹp để chế tác ra những sản phẩm. Bằng những công cụ thô sơ như: chòng, búa, compa, đục và với tâm huyết của người thợ, những phiến đá thô giáp sần sùi chỉ qua vài nét chạm trổ, đục đã trở thành những vật dụng có ích phục vụ đời sống.

Trước kia làng đá Hải Lựu chỉ sản xuất cối đá nhưng ngày nay đã sản xuất thêm những sản phẩm như: máng lợn, cối giã cua, lư hương, bia đá... và những sản phẩm mỹ nghệ như: chó, voi, sư tử hí cầu, tượng phật bà quan âm... Với tính cần cù chịu khó, với những nghệ nhân đã được đào tạo, với vốn cổ truyền thống và tài nguyên phong phú, nghề đục đá Hải Lựu có rất nhiều triển vọng phát triển và đã được khách hàng trong và ngoài nước biết đến.

Vườn cò Hải Lựu

Xã Hải Lựu ở phía đông bắc huyện Lập Thạch với nhiều địa danh đã đi vào sử sách như sông Lô, đình Bát Cổ, chùa Am Khánh và khu du lịch sinh thái vườn cò Hải Lựu đã được nhiều người biết đến.

Vườn cò Hải Lựu thuộc thôn Dừa Lẽ - Hải Lựu - Lập Thạch - Vĩnh Phúc, cách trung tâm huyện lỵ là thị trấn Xuân Hoà khoảng 17km về phía đông bắc. Tổng diện tích khu vực vườn cò là 15ha, trong đó khu vực chim làm tổ là 7ha. Độ cao mặt nền vườn cò so với mặt nước biển là 70m. Địa hình vùng sân chim là đồi núi thấp dần đến vùng bán sơn địa nằm cạnh sông Lô. Nhiệt độ hàng năm của khu vực thay đổi theo mùa, nhiệt độ trung bình hàng năm là 23⁰C, lượng mưa trung bình hàng năm là 1650mm.

Vườn cò Hải Lựu chiếm một nguồn tài nguyên động thực vật quan trọng và hấp dẫn của huyện Lập Thạch cũng như của tỉnh Vĩnh Phúc. Một số loài chim làm tổ ở đây chiếm ưu thế về tính đa dạng di truyền, gồm các loài như cò lửa, cò lửa lùn, cò bợ, cò ruồi, cò xanh... Mùa sinh sản của các loài chim phụ thuộc vào sự đến sớm hay muộn của mùa mưa, chất lượng cây mà chúng làm tổ và nguồn thức ăn. Sự bắt đầu và kết thúc của mùa sinh sản đối với mỗi mùa diễn ra vào những thời gian khác nhau. Thực vật ở vườn chim hiện nay là những cây thuộc hệ sinh thái rừng còn sót lại do hậu quả của việc khai phá đất làm nông nghiệp như: tre, trám, xoan, trầu, sung, nhãn... Đây là những cây chim dùng để làm tổ, trong đó cây tre là cây có nhiều loài chim làm tổ nhất.

Khu du lịch vườn cò Hải Lựu có ý nghĩa và giá trị về mặt khoa học trong hệ sinh thái rừng thấp được bao bọc bởi các con sông với chức năng luân

chuyên năng lượng và chất dinh dưỡng của môi trường. Đây còn là nơi thu hút khách tham quan du lịch, nơi giáo dục lòng yêu quê hương đất nước cho mọi người, nơi con người và thiên nhiên dễ hoà nhập gắn bó với nhau

Đền thờ Tả Tướng Quốc Trần Nguyên Hãn

Đền thờ ở thôn Đa Cai, xã Sơn Đông, huyện Lập Thạch. Đền thờ Trần Nguyên Hãn Tả Tướng Quốc, phò Lê Lợi diệt giặc Minh vào cuối thế kỷ XV. Đền được xây dựng trên một thế đất bằng phẳng, rộng, cao, tương truyền chính là nơi đặt phủ đệ cũ xưa Trần Nguyên Hãn. Đền được xây dựng theo kiến trúc hình chữ “Đinh”, xung quanh có tường bao bọc tạo thành khuôn viên chữ “Điền” vuôn vắn. Liên quan tới di tích tương truyền có 2 vật cổ: Thanh Gươm và phiến đá mài gươm.

Truyện kể rằng: thời kỳ giặc Minh thống trị nước ta, Trần Nguyên Hãn mới bước vào tuổi thanh xuân. Trong một lần đi cày ở nương Gò Rạch, Trần Nguyên Hãn cày lên một thanh sắt dài như gươm. Đêm đêm ông đem gươm ra mài ở một hòn đá lớn bên bờ ao Son, vì vậy hòn đá có tên là đá mài gươm, hòn đá có một vết lõm trông tựa như vết chém tương truyền đó là vết chém thử gươm của Trần Nguyên Hãn. Thanh gươm được Trần Nguyên Hãn mang bên người, tình cờ Trần Nguyên Hãn được một ông chủ bè ở cửa sông Phú Hậu tặng một thanh gỗ hình chuôi gươm vớt ở dưới lòng sông, khi cắm lưỡi gươm vào thì vừa khít, thanh gươm từ đó công hiệu.

Thanh gươm huyền thoại ấy đã gắn liền với những chiến tích lẫy lừng của vị công thần khai quốc thứ nhất triều Lê. Tương truyền về sau Tôn Thất Thuyết đã mượn thanh gươm ấy đem đi Cần Vương chống Pháp.

Còn phiến đá, sau một thời gian dài bị phù sa sông Lô lấp, ngày 12/01/1998 nhân dân thôn Đa Cai tìm thấy ở độ sâu 2m nghiêng về phía ao sen, chiều dài khoảng 2,49m, chiều rộng khoảng 1,6m, bề dày khoảng 0,4m và nặng khoảng 2 tấn. Phiến đá cổ tích này được chính quyền và nhân dân xã Đông Sơn trực vớt lên, chuyển về đặt trong khuôn viên đền thờ Tả Tướng Quốc để mọi người cùng chiêm ngưỡng dấu tích còn lại của người anh hùng

thửa trước.

Núi Sáng - Thác Bay

Núi Sáng thuộc địa phận 2 xã Đồng Quế và Lãng Công, Lập Thạch, cao 633m. Khu núi Sáng tiếp liền với di chỉ khảo cổ thời tiền sử, với trận chiến Thu - Đông ở ghềnh Khoang Bộ. Trong núi có rừng nguyên sinh, nhiều loại cây quý, hoa cỏ lạ. Trên núi Sáng có một cảnh đẹp vừa hùng vĩ vừa ngoạn mục đó là thác Bay. Để tận hưởng thú đi chơi thác Bay du khách phải tới được hết ngọn thác, cho nên không thể đi theo lối mòn lên núi mà phải lội ngược theo dòng suối. Bước đi nước chảy cuốn chân, sau khi vượt qua 2 thác nhỏ sẽ đến ngọn thác thứ 3 sừng sững lung trời, hét gào vang dội cả vùng. Thác cao chừng 30m, dòng nước dội từ trên cao đến lưng chừng bị thế đá uốn ra làm cho nước vòng lên rồi mới dội xuống. Khi dội xuống, nước cuốn một luồng không khí theo đến tận chân thác. Tại đây nước và không khí “chia tay” mỗi người một ngã, nước chảy xuôi dòng còn không khí thì cuộn ngược tạo thành luồng gió tạt vù vù ra khắp xung quanh, giống như bão lốc kèm theo mưa bay. Du khách tới đây không tránh khỏi, nhưng dù ướt áo vẫn tung bay, tóc cũng tung bay và mọi thứ đều tung bay... Có lẽ vì thế mà người ta gọi là Thác Bay.

Dưới chân thác có hồ nước nhỏ trong veo, mát lạnh. Phía trên thác thứ 3 là một thác nhỏ cũng có 3 bậc thềm như thềm tam cấp xây bằng nước, ở bậc cuối cao chừng chục mét, nước dội thẳng đứng tạo thành một bức màn trắng xoá. Các cụ cao tuổi trong vùng kể lại: “Thác Bay là tên mới đặt, xưa gọi là Thác trống đánh quân reo vì tương truyền ông Ngụy Đồ Chiêm chiêu tập quân sỹ chống giặc phương Bắc”. Từ ấy ngược lên sẽ tới Bắc Bung, rồi hang Đè Thám.

** Tuyến du lịch Vĩnh Yên - nghề mộc Bích Chu - nghề rèn Lý Nhân - làng rấn Vĩnh Sơn*

Từ thủ đô Hà Nội đi khoảng hơn một giờ đồng hồ là tới trung tâm thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc. Sau đó đi tiếp 20km dọc theo quốc lộ 2A rẽ trái

theo đường 305 đường tỉnh lộ Vĩnh Yên - Vĩnh Tường để thăm các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hoá, làng nghề truyền thống của huyện Vĩnh Tường.

Làng mộc Bích Chu

Nằm ở vùng đất bãi bên sông Hồng thuộc xã An Tường - Vĩnh Tường, là làng nghề đã tồn tại cách ngày nay khoảng 300 năm. Nằm cách trung tâm thị trấn Vĩnh Tường khoảng 4km dọc theo quốc lộ 2C. Bích Chu như một nét nhấn trong bức tranh tổng thể của làng quê Vĩnh Phúc. Từ rất lâu, Bích Chu nổi tiếng về kỹ thuật làm đồ gỗ với những nét chạm trổ, đục đẽo tinh xảo, làm ra những sản phẩm đồ gỗ dân dụng như tủ, giường, bàn ghế, sập gụ tủ chè... và những đồ gỗ có giá trị mỹ thuật cao gồm các tượng bày ở điện thờ, đình miếu, những bức đại tự sơn son thiếp vàng... Đây có thể coi là một làng nghề truyền thống tiêu biểu mang đậm nét đặc trưng văn hoá truyền thống, thu hút được sự quan tâm, mến mộ của du khách.

Làng rèn Lý Nhân

Rời làng mộc Bích Chu đi khoảng 2km theo đường đê bao sông Hồng, du khách sẽ tới thăm quan làng rèn Lý Nhân, huyện Vĩnh Tường. Ở Lý Nhân hầu như nhà nào cũng gắn liền với nghề rèn. Làng rèn Lý Nhân xưa có tên là làng Thùng Mạch nay là Bàn mịch. Chợ Thùng Mạch là nơi buôn bán tấp nập, khách hàng nhiều nơi đã tới đây mua buôn các sản phẩm của làng.

Rèn Lý Nhân là một làng nghề tồn tại lâu đời ở Vĩnh Phúc. Tương truyền xưa kia làng Lý Nhân là một làng ăn chơi có tiếng, những ngày nông nhàn người dân không biết làm gì chỉ tụ tập rượu chè, cờ bạc. Có một lần Quan Quận Công về làng, trông thấy làng xóm xơ xác, tiêu điều, ông đã trực tiếp mở lò rèn và đón thợ giỏi về dạy cho nhân dân biết cách rèn dao, cuốc, xẻng... Làng rèn Lý Nhân có từ đó và tồn tại cho đến ngày nay. Dụng cụ sản xuất là bễ lò rèn, búa, kim, dao gọt sắt... Sản phẩm của làng rèn là búa, liềm, dao, kim... đã được đem đi bán ở nhiều nơi trong và ngoài tỉnh.

Đình Thổ Tang

Sau khi tham quan làng rèn Lý Nhân, tiếp tục đi theo đường đê bao sông Hồng khoảng 4km, qua Phú Đại, Tân Cương là đến đình Thổ Tang. Đình ở làng Thổ Tang, xã Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường. Đình thờ Lân Hồ Đô Thống Đại Vương, một vị tướng có công đánh giặc Nguyên Mông thời nhà Trần. Đình được xây dựng vào thế kỷ XVII theo kiến trúc hình chữ “Đình”, gồm một phần Hậu cung và một toà 5 gian. Hậu cung đã bị hỏng nhưng mới được tu sửa lại. Toà Đại đình còn tương đối nguyên vẹn với 60 chiếc cột, nền dài 25,8m, rộng 14,2m, bó đá xanh xung quanh.

Đình Thổ Tang có dáng dấp cổ nhất trong các ngôi đình hiện còn ở Vĩnh Phúc và cũng là ngôi đình đậm đà tính dân tộc trong chạm trổ trên gỗ. Đình hiện còn 21 bức chạm, trong đó có nhiều bức có giá trị cao về nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật biểu hiện. Tiêu biểu là bức “ Ngày hội xuống đồng” chạm trên một ke ghé ở hè đình, ngay sau cửa ra vào, dài 1,5m, rộng 0,70m, 25 nhân vật trên tác phẩm đều được trạm bong sinh động, phản ánh ngày hội xuống đồng đầu năm của nhân dân ta thừa trước.

Thể hiện nhiều đề tài hiện thực, các nghệ sỹ điêu khắc đã tỏ nỗi cảm thông sâu sắc với tình cảnh của nhân dân, đã kích xã hội phong kiến một cách tế nhị. Bức “cảnh đánh ghen” diễn tả thân phận người phụ nữ xưa một cách sinh động: một người đàn ông đang bá vai một người đàn bà, một người đàn bà khác bước tới đâm vào gáy người đàn bà kia. Những cảnh đi cày, chăn trâu, khiêng cá, nghỉ ngơi sau buổi làm đồng...phản ánh các mặt sinh hoạt bình dị, tươi vui của nhân dân. Những cảnh bắn hổ, đấu vật, đá cầu thể hiện tinh thần thượng võ của dân tộc.

Với kỹ thuật tinh vi và điêu luyện, chạm khắc ở đình Thổ Tang đã miêu tả khái quát được phần nào cuộc sống làm ăn và sinh hoạt của nhân dân ta, vừa có giá trị về mỹ thuật vừa có giá trị về nội dung phản ánh có tính tư tưởng cao.

Đình Thổ Tang đã được Bộ Văn hoá và Thông tin ghi vào danh mục di

tích lịch sử văn hoá ngày 13/01/1964 và cấp bằng di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 17/02/1990.

Làng rấn Vĩnh Sơn

Xã Vĩnh Sơn nằm ở trung tâm thị trấn Vĩnh Tường, cách quốc lộ 2 khoảng 3km về phía Nam, diện tích tự nhiên khoảng trên 327ha, có 14 dòng họ sinh sống với 1078 hộ và khoảng trên 5000 nhân khẩu. Có dòng sông Phan nằm ở phía Tây Nam xã, chảy theo hướng Tây Đông nằm trong vùng văn minh lúa nước sông Hồng.

Vĩnh Sơn xưa có tên gọi là Sơn Tang và theo dân gian truyền lại còn có tên Hai Nước. Người dân Vĩnh Sơn chủ yếu sinh sống bằng nghề làm ruộng và chăn nuôi rấn. Đây là nghề truyền thống của xã từ bao đời nay. Nếu như con rấn đối với đa số mọi người là nỗi sợ hãi thì ở đây chúng như những người bạn của mỗi gia đình. Trong các thư tịch cổ đã nhắc tới Sơn Tang là một làng săn bắt rấn lớn nhất Bắc Bộ.

Ngày xưa từ việc săn bắt rấn, người dân Vĩnh Sơn đã biết chăn nuôi thuần dưỡng các loại rấn độc và chế biến các sản phẩm từ rấn như: nuôi rấn để làm thịt, chế biến rượu rấn, cao rấn...kinh nghiệm đó được duy trì và truyền lại cho đến ngày nay. Có thể nói rấn đối với mỗi người dân Vĩnh Sơn rất quan trọng, bởi vì ngoài giá trị làm vị thuốc để chữa bệnh và bồi bổ sức khoẻ rấn còn có giá trị về kinh tế, đem lại nguồn thu cao, tạo công ăn việc làm cho người dân của xã.

Ngày 24/11/2006 chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ký quyết định số 3120/QĐ-UBND về công nhận làng nghề rấn Vĩnh Sơn đạt tiêu chuẩn làng nghề truyền thống.

Giải pháp cụ thể tại các làng nghề:

Trong điều kiện hiện nay ở Hương Canh việc phát triển du lịch và đảm bảo chất lượng môi trường chưa tìm được tiếng nói chung. Để cho làng gốm Hương Canh phát triển bền vững, thu hút được khách du lịch thì phải quản lý tốt môi trường với sự tham gia tích cực của người dân địa phương, làm cho

cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, góp phần không nhỏ để gây được ấn tượng ban đầu, mang lại tương lai phát triển bền vững cho làng nghề.

Vấn đề ô nhiễm môi trường của Hương Canh là do công nghệ sản xuất còn lạc hậu. Hầu hết các hộ ở Hương Canh vẫn sử dụng lò cốc đun bằng than, củi để đốt lò. Vấn đề này sẽ được giải quyết khi thay bằng lò ga. Nhưng vấn đề này lại liên quan tới vấn đề tài chính. Những chủ lò ở Hương Canh cho biết: Họ cũng nhận thấy được tác hại của chính những lò cốc ảnh hưởng rất lớn tới môi trường và tới chính sức khỏe của bản thân, gia đình họ, nhưng kinh phí để mua lò ga là rất lớn với mỗi chủ lò. Chưa kể đến nguồn nhiên liệu cung cấp trong quá trình sản xuất, trong khi hàng hoá tiêu thụ vẫn chưa ổn định trên thị trường. Ở Hương Canh đã thành lập được hội làm gốm như vậy rất thuận lợi để các hộ này chung vốn mua lò ga, các cấp các ngành có liên quan cũng nên hỗ trợ các hộ làm gốm về vốn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất mà không làm ảnh hưởng tới môi trường.

Hương Canh là một làng nghề truyền thống đang được quan tâm giúp đỡ của tỉnh Vĩnh Phúc trong việc giữ gìn các giá trị lịch sử quý báu của tỉnh nhà. Trong những năm vừa qua, gốm sành Hương Canh đã đi đến nhiều hội chợ nhằm mục đích giới thiệu về cái đẹp của gốm Hương Canh và quảng bá cho sản phẩm gốm Hương Canh. Nhưng số lần tham gia hội chợ không nhiều, vì vậy kết quả thu được chưa cao. Nên gốm Hương Canh cần phải biết áp dụng khoa học kỹ thuật trong việc quảng bá cho thương hiệu của mình bằng việc xây dựng một trang web riêng cho gốm sành Hương Canh. Đây là phương tiện hữu hiệu nhất trong thời buổi công nghệ thông tin. Thông qua trang web, các doanh nghiệp kinh doanh gốm có thể nhận được nhiều đơn đặt hàng hơn góp phần mở rộng đầu ra cho sản phẩm, tìm ra được nhiều thị trường mới.

Trong kinh doanh, Hương Canh nên thành lập những mô hình kinh tế liên kết giữa các hộ kinh doanh, cơ sở sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Vì khi liên kết lại với nhau, các nhà sản xuất sẽ có vốn đầu tư lớn, có thể đáp ứng được đơn đặt hàng với số lượng lớn của đối tác, đồng

thời tránh được sự cạnh tranh không lành mạnh, liên kết để tồn tại, liên kết để phát triển. Đó là giải pháp hữu hiệu cho các cơ sở sản xuất tại làng gốm Hương Canh hiện nay.

Sản phẩm gốm Hương Canh ngày càng được bán nhiều trên khắp cả nước, trở thành mặt hàng độc đáo với du khách, đặc biệt là với du khách nước ngoài. Nhưng hiện nay vấn đề là khách hàng mua sản phẩm không biết rõ nhãn hiệu xuất xứ của sản phẩm. Nên gốm Hương Canh Cần tạo cho mình một nhãn hiệu gắn lên sản phẩm và mẫu mã bao bì bên ngoài cho sản phẩm cũng rất quan trọng vì không phải ai cũng chỉ nghe tiếng gõ là biết gốm Hương Canh thật hay giả. Như vậy vừa cho khách du lịch phân biệt được mặt hàng gốm, không bị nhầm lẫn với mặt hàng gốm khác, vừa giữ được uy tín cho gốm Hương Canh, vừa là hình thức quảng cáo cho thương hiệu gốm Hương Canh.

Hiện nay khách du lịch đến với Hương Canh ngày càng nhiều, nhưng các dịch vụ phục vụ du lịch chưa được đồng bộ. Giao thông đến với Hương Canh rất thuận lợi nhưng bãi đỗ xe không được quy hoạch cụ thể. UBND cần có biển chỉ dẫn các điểm đỗ xa cụ thể cho khách du lịch vào làng gốm và các biển báo hướng dẫn cho khách về các dịch vụ có ở làng gốm.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tới thăm làng gốm, có được hiểu biết hơn về làng gốm, làng gốm nên tổ chức đào tạo bồi dưỡng những người dân địa phương có tâm huyết với làng nghề thành những hướng dẫn viên du lịch điếm vì không ai hiểu biết gốm Hương Canh bằng chính những người dân nơi đây. Điều này góp phần tăng thu nhập cho người dân địa phương và nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc giữ gìn giá trị truyền thống.

Người dân và chính quyền địa phương cần khắc phục và phát triển các hoạt động văn hoá dân gian truyền thống nhằm làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch, xây dựng môi trường du lịch văn hoá, cải thiện đường giao thông, cơ sở vật chất kỹ thuật của làng nghề, phát triển du lịch làng nghề phải hiệu quả trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế xã hội. Trùng tu các đền chùa

trong làng, khuyến khích sự hợp tác của các nghệ nhân và các trường nghề của tỉnh để đào tạo những lớp nghệ nhân mới, góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của làng nghề.

Với làng đá Hải Lựu:

Làng đá Hải Lựu nằm trên con đê của sông Lô, hàng ngày người dân qua lại con đê đó rất đông nhưng lượng bụi đá cũng rất nhiều. Để đảm bảo cho sức khoẻ của nhân dân, các xưởng sản xuất đá nên tập trung thành khu sản xuất riêng tránh xa khu dân cư.

Trong quá trình sản xuất, người thợ cần có những tư trang để giảm thiểu một cách tối đa các tác hại do bụi đá gây ra.

Làng đá cần có các chương trình tuyên truyền quảng bá sản phẩm thông qua các hội chợ lớn và quan trọng là phải xây dựng các cơ sở tại các khu vực đông dân cư vì hiện nay đường đến với làng đá chủ yếu là đường sông và đường bộ. Nếu có cơ sở tại nơi khu dân đông cư thì các sản phẩm sẽ tiêu thụ được nhiều hơn.

Với làng mây tre đan Triệu Đề.

Nghề mây tre đan muốn phát triển trước hết phải đa dạng hoá các loại hình sản phẩm vì hiện nay các sản phẩm của nghề này chưa có nhiều loại hình, kiểu dáng, mẫu mã. Hơn nữa, phải chú trọng phát triển ngành theo hướng sản xuất các sản phẩm mỹ nghệ chứ không chỉ là các sản phẩm gia dụng truyền thống nữa.

Cần mở rộng mặt bằng sản xuất, nguyên liệu nếu thiếu có thể nhập từ Lào, Campuchia...Đào tạo người lao động có tay nghề cao qua các hình thức truyền nghề.

Mở các lớp đào tạo nghề tại địa phương nhằm đào tạo lớp lao động trẻ thành những nghệ nhân trong tương lai.

Về vấn đề thị trường sẽ mở rộng các thị trường tiêu thụ, tập trung vào các thị trường có nhiều triển vọng, tăng cường xúc tiến thương mại: hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm tiểu thủ công nghiệp. Ngoài ra cần tổ chức các hoạt

động trao đổi kinh nghiệm, tham quan, khảo sát nhằm tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề.

Ngoài ra cần thực hiện các chính sách và giải pháp hỗ trợ cho các cơ sở kinh doanh sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp truyền thống vì hầu hết các cơ sở đều có quy mô nhỏ, ít vốn, thiếu vốn lưu động ở những hợp đồng giá trị lớn. Do vậy việc ban hành các chính sách ưu đãi cho các cơ sở ngành nghề mây tre đan là rất cần thiết.

Với làng rắn Vĩnh Sơn.

Tuy loại hình sản phẩm từ rắn không nhiều nhưng giá trị kinh tế từ những sản phẩm này lại rất lớn. Vì vậy cần tăng cường quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm phát triển và mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm.

Các cấp các ngành có liên quan cần đẩy nhanh quá trình quy hoạch trung tâm nuôi rắn, giới thiệu và bán các sản phẩm từ rắn vì hiện nay rắn vẫn được nuôi rải rác trong các hộ dân cư, rất khó kiểm soát dịch bệnh của rắn và không phát huy được hiệu quả tổng hợp.

Trên đây là những ý kiến đóng góp của em nhằm phát triển các làng nghề truyền thống của Vĩnh Phúc để những làng nghề đó không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn có giá trị trong hoạt động du lịch của tỉnh nhà.

3.2.2 Một số kiến nghị

3.2.2.1 Tăng cường công tác quản lý, khôi phục làng nghề

Cần tăng cường công tác quản lý tổ chức, quản lý hoạt động và sản xuất của chính quyền địa phương với các làng nghề nhằm nắm chắc tình hình và có những thay đổi, đầu tư thích hợp nhất để khôi phục và phát triển làng nghề. Với các làng nghề có nguy cơ mai một cần có những giải pháp kịp thời, có những kiến nghị với hội Khuyến Công, với sở Văn hoá - thể thao và du lịch để không làng nghề nào bị quên lãng và trở thành ngành kinh tế quan trọng cũng như sản phẩm du lịch độc đáo của ngành du lịch tỉnh. Khi có sự

quan quản lý của chính quyền địa phương các làng nghề không những được khôi phục mà còn phát triển đúng theo định hướng của Đảng và Nhà nước; đồng thời nhận được sự hỗ trợ về mặt pháp lý cũng như vốn của nhà nước.

3.2.2.2 Đẩy nhanh quá trình đền bù và quy hoạch cụm làng nghề

Đây là công tác mà các cấp, các ngành có liên quan phải thực hiện ngay vì hiện nay các làng nghề đang hoạt động với quy mô nhỏ, manh mún cho nên rất khó phát triển. Nếu các cụm làng nghề được quy hoạch thì tình trạng sản xuất này sẽ được thay thế bằng các khu chuyên môn dành cho các hoạt động riêng của từng làng nghề, như vậy vừa dễ quản lý vừa có điều kiện phát triển. Tuy nhiên công tác đền bù do ban giải phóng mặt bằng phụ trách vẫn chưa thực hiện xong, mà việc này rất quan trọng với việc xây dựng cụm làng nghề. Ví dụ như dự án xây dựng cụm làng nghề Hương Canh với diện tích là 11,5 ha, kinh phí là 31,5 tỷ đồng đã được sở công nghiệp Vĩnh Phúc phê duyệt, nhưng vẫn chưa được triển khai. Trong khi đó nguyện vọng lớn nhất của các hộ làm gốm là có mặt bằng để sản xuất. Đơn đặt hàng sản phẩm gốm Hương Canh ngày càng nhiều, tuy nhiên có những đơn đặt hàng lớn đã không được kí kết vì lý do mặt bằng sản xuất không có. Vì vậy tỉnh uỷ cùng UBND thị trấn cần có những biện pháp đẩy nhanh việc triển khai dự án, để tạo điều kiện cho người làm gốm Hương Canh an tâm sản xuất.

3.2.2.3 Quan tâm đúng mức, đầu tư hợp lý nhằm phát triển các làng nghề

Với các làng nghề khác nhau thì mức độ đầu tư là khác nhau. Có làng nghề cần đầu tư về nguồn vốn để mua nguyên nhiên liệu, có làng nghề cần đầu tư trang thiết bị... Các làng nghề có vai trò rất quan trọng: Nó vừa là một ngành kinh tế, vừa là nét văn hoá đặc sắc của mỗi địa phương, vừa là nguồn tài nguyên có thể khai thác cho hoạt động du lịch nhưng hiện nay các làng nghề chưa được quan tâm đúng mức cho nên vẫn chưa phát huy hết hiệu quả tổng hợp của nó. Vì vậy mà các cấp, các ngành có liên quan ngành môi trường, ngành giao thông... cần quan tâm hơn nữa tới các làng nghề. Cho dù ngày nay, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật thì các sản phẩm công

nghiệp cũng không thể thay thế hoàn toàn các sản phẩm thủ công truyền thống cho nên các sản phẩm thủ công không bao giờ “lỗi mốt”. Nếu quan tâm và đầu tư hợp lý thì các làng nghề này hoàn toàn có cơ hội để phát triển theo hướng hàng hoá trong cơ chế thị trường, có “ hoà nhập nhưng không hoà tan”.

*** Tiểu kết chương 3**

Như vậy là sau khi phân tích những khó khăn và thuận lợi mà các làng nghề truyền thống Vĩnh Phúc đang tồn tại và đưa ra những giải pháp khắc phục thì chúng ta thấy rằng hoàn toàn có thể xây dựng loại hình du lịch làng nghề truyền thống ở Vĩnh Phúc bên cạnh các loại hình du lịch khác. Và chỉ sau vài năm nữa thôi, loại hình du lịch này rất có thể trở thành loại hình du lịch được ưa chuộng nhất.

KẾT LUẬN

Với đề tài “Xây dựng sản phẩm du lịch làng nghề phục vụ cho hoạt động du lịch Vĩnh Phúc” em đã dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu về các làng nghề truyền thống trên quê hương mình. Thông qua các tài liệu và các chuyến tìm hiểu thực tế tại các làng nghề, với những tài liệu thu thập và nghiên cứu được về các làng nghề truyền thống, bài khoá luận đã trình bày về thực trạng của các làng nghề, về lịch sử hình thành và phát triển của các làng nghề, những giá trị văn hóa lịch sử và những vấn đề liên quan tới các làng nghề như tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất... giúp cho người đọc có những thông tin cần thiết về những làng nghề truyền thống này. Qua đó cũng thấy được những khó khăn, trở ngại của những làng nghề này như thiếu diện tích sản xuất, thiếu vốn đầu tư, thiếu trang thiết bị... và chỉ có lòng yêu nghề trong nhưng nghệ nhân là luôn luôn tràn đầy. Vì vậy em mong các cấp chính quyền có liên quan hơn nữa để khi nhắc tới làng nghề truyền thống sẽ không còn hiện tượng ô nhiễm môi trường, cơ sở hạ tầng không được đảm bảo, đường xá xuống cấp,...

Hiện nay khi đến với các làng nghề, du khách có thể tự do đi tham quan cơ sở sản xuất, các di tích lịch sử văn hoá, tự tay làm cho mình những sản phẩm gốm, đá, đan lát... những hoạt động này góp phần không nhỏ vào việc tăng ngân sách của địa phương và thu nhập của người dân.

Trong xu thế phát triển hiện nay, các làng nghề có nguy cơ bị mai một do tác động của các sản phẩm công nghiệp. Vì vậy nhà nước cần có những chính sách hợp lý để phát triển các làng nghề truyền thống nói chung và du lịch làng nghề nói riêng, biến những giá trị văn hoá truyền thống thành tiềm năng cho du lịch phát triển.

Du lịch ngày càng phát triển, nếu có chính sách và biện pháp đúng, phù hợp thì du lịch làng nghề sẽ trở thành tiềm năng, nguồn lực mạnh mẽ của du lịch Việt Nam nói chung và du lịch Vĩnh Phúc nói riêng.

Tuy còn nhiều khó khăn trước mắt song với tiềm năng và bề dày kinh nghiệm nhiều năm, với chính sách mở cửa hỗ trợ khuyến khích các làng nghề thủ công truyền thống của Đảng và nhà nước hiện nay, các làng nghề Vĩnh Phúc đã có đủ điều kiện để vươn lên phát triển và khẳng định vị trí của mình trong các làng nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống của Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Dương Bá Phương, *Bảo tồn và Phát triển các làng nghề trong quá trình công nghiệp hoá hiện đại hoá*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội Hà Nội, 2001.
2. Phạm Côn Sơn, *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá thông tin Hà Nội, 2004.
3. Tài liệu của tiến sĩ Nguyễn Anh Tuấn.
4. *Tạp chí bản tin du lịch Vĩnh Phúc*, Trung tâm thông tin - xúc tiến thương mại & du lịch Vĩnh Phúc.
5. *Tiềm năng nghề thủ công mỹ nghệ và làng nghề Vĩnh Phúc*, Trung tâm thông tin - xúc tiến thương mại & du lịch Vĩnh Phúc.
6. Trần Quốc Vượng và Đỗ Thị Hảo, *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề*, Nhà xuất bản văn hoá dân tộc, 1996.
7. *Truyền thuyết Hùng Vương*, Hội VHNT Vĩnh Phú, 1981.
8. Bùi Thị Hải Yến, *Quy hoạch du lịch*, Nhà xuất bản giáo dục, 2007.
9. Các trang web hỗ trợ:
www.vinhphuc.gov.vn
www.langngheviet.vn
www.google.vn
www.tintucvinhphuc.vn
www.vanhocvinhphuc.gov.vn

Lời cảm ơn

Để có được kết quả như ngày hôm nay, em xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của tập thể cán bộ giảng viên trường Đại học dân lập Hải Phòng đã tạo điều kiện cho em có môi trường học tập tốt nhất và cung cấp cho em những kiến thức cần thiết để em có thể làm công việc mà mình yêu thích sau khi tốt nghiệp ra trường.

Trong quá trình làm khoá luận, em đã đi thực tế tại tất cả các làng nghề truyền thống tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nhằm thu thập những thông tin và số liệu xác thực nhất và trong những ngày đi thực tế đó em đã nhận được sự giúp đỡ của các nghệ nhân cũng như người dân địa phương tại các làng nghề. Em xin chân thành cảm ơn nghệ nhân Nguyễn Nhuận ở làng gốm Hương Canh, bác Nguyễn Văn Học ở làng rắn Vĩnh Sơn, cụ Không Văn Khanh ở làng đá Hải Lựu, bác Triệu Văn Đường ở làng mây tre đan Triệu Đề... đã tận tình hướng dẫn và cung cấp những thông tin giúp em hoàn thành bài khoá luận này.

Về phía các công ty du lịch, em xin chân thành cảm ơn Trung tâm thương mại khách và dịch vụ Du lịch Trung Vương, công ty du lịch và khách sạn Vĩnh Phúc đã cung cấp cho em những thông tin về các tour du lịch; Sở Văn hoá - thể thao và du lịch tỉnh Vĩnh Phúc đã cung cấp cho em những thông tin về hoạt động du lịch của Vĩnh Phúc trong năm 2008 và định hướng năm 2009 cùng những giải pháp thực hiện.

Em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Trần Đức Thanh đã tận tình hướng dẫn em trong quá trình xây dựng đề cương và hoàn thành bài khoá luận bằng những nhận xét thẳng thắn, những góp ý kịp thời và chính xác nhất để em hoàn thành tốt đề tài mình đã chọn. Và trong thời gian làm khoá luận em cũng đã nhận được sự ủng hộ của gia đình và sự giúp đỡ của bạn bè trong quá trình thu thập tài liệu. Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1. DU LỊCH LÀNG NGHỀ	5
1.1 Làng nghề và làng nghề truyền thống	5
<i>1.1.1 Làng nghề</i>	5
<i>1.1.2 Làng nghề truyền thống</i>	5
1.2 Du lịch làng nghề truyền thống	6
<i>1.2.1 Khái niệm du lịch văn hoá</i>	6
<i>1.2.2 Du lịch làng nghề truyền thống</i>	7
1.3 Tác động tương hỗ giữa du lịch và làng nghề truyền thống	7
<i>1.3.1 Vai trò của du lịch trong phát triển làng nghề truyền thống</i>	7
<i>1.3.2 Vai trò của làng nghề truyền thống trong phát triển du lịch</i>	8
1.4 Đặc điểm của loại hình du lịch làng nghề truyền thống	9
*Tiểu kết chương 1	9
Chương 2. THỰC TRẠNG LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG VĨNH PHÚC	10
2.1 Khái quát về tỉnh Vĩnh Phúc	10
<i>2.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên - xã hội</i>	10
<i>2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển</i>	15
<i>2.1.3 Dân cư và cơ cấu tổ chức hành chính</i>	17
2.2 Những làng nghề truyền thống tiêu biểu ở Vĩnh Phúc	18
2.2.1 Làng gốm Hương Canh	18
<i>2.2.1.1 Tổ nghề gốm Hương Canh</i>	18
<i>2.2.1.2 Nghề gốm Hương Canh xưa và nay</i>	21
<i>2.2.1.3 Những sản phẩm truyền thống của gốm Hương Canh</i>	23
<i>2.2.1.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất</i>	23
2.2.2 Nghề đục đá Hải Lựu	28
<i>2.2.2.1 Tổ nghề đục đá Hải Lựu</i>	28
<i>2.2.2.2 Làng nghề đục đá xưa và nay</i>	28

2.2.2.3 Những sản phẩm truyền thống	32
2.2.2.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất.	32
2.2.3 Làng nghề mây tre đan Triệu Đề	34
2.2.3.1 Tổ nghề mây tre đan Triệu Đề	34
2.2.3.2 Làng nghề mây tre đan xưa và nay	34
2.2.3.3 Những sản phẩm truyền thống	35
2.2.3.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất	35
2.2.4 Làng rấn Vĩnh Sơn	37
2.2.4.1 Tổ nghề rấn Vĩnh Sơn	37
2.2.4.2 Làng rấn Vĩnh Sơn xưa và nay.....	38
2.2.4.3 Những sản phẩm truyền thống	39
2.2.4.4 Tổ chức quản lý, quy trình sản xuất và hoạt động sản xuất	39
2.3 Hoạt động du lịch tại các làng nghề ở Vĩnh Phúc	42
2.3.1 Du lịch Vĩnh Phúc.....	42
2.3.2 Các tour du lịch làng nghề ở Vĩnh Phúc	47
* Tiểu kết chương 2.....	49
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ LÀM TĂNG SỨC HẤP	
DẪN CHO DU LỊCH LÀNG NGHỀ VĨNH PHÚC.....	50
3.1 Những vấn đề đặt ra	50
3.1.1 Nguồn nguyên, nhiên liệu, loại hình sản phẩm	50
3.1.2 Đầu ra cho sản phẩm	53
3.1.3 Bảo vệ môi trường làng nghề	54
3.1.4 Đào tạo nghệ nhân kế tục	55
3.2 Một số giải pháp, kiến nghị để khôi phục, phát triển các làng nghề ở	
Vĩnh Phúc	56
3.2.1 Một số giải pháp	56
3.2.1.1 Các làng nghề phải liên kết với các công ty du lịch trên địa bàn tỉnh.....	57
3.2.1.2 Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù	57
3.2.1.3 Tăng cường công tác giới thiệu các sản phẩm của các làng nghề.....	58

3.2.1.4 Các công ty du lịch nên xây dựng các tour du lịch chuyên đề về các làng nghề	58
3.2.2 Một số kiến nghị	71
3.2.2.1 Tăng cường công tác quản lý, khôi phục làng nghề	71
3.2.2.2 Đẩy nhanh quá trình đền bù và quy hoạch cụm làng nghề	72
3.2.2.3 Quan tâm đúng mức, đầu tư hợp lý nhằm phát triển các làng nghề ..	72
* Tiểu kết chương 3	73
KẾT LUẬN	74
Tài liệu tham khảo	

PHỤ LỤC



Nghệ nhân gốm Nguyễn Nhuận



Các sản phẩm của làng gốm Hương Canh



Quá trình hoàn thiện sản phẩm



Các sản phẩm của làng nghề mây tre đan Triệu Đề



Quá trình chế tác sản phẩm ở làng đá Hải Lựu



Một số sản phẩm của làng đá Hải Lựu



Bác Học và khu nuôi rắn của gia đình